



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 44 (từ 31/10 - 04/11/2016)

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: trangtin@mard.gov.vn

Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, thị trường dõi theo diễn biến cuộc họp về lộ trình nâng lãi suất trong tương lai của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Kết quả là FED quyết định tiếp tục giữ nguyên lãi suất quỹ dự trữ liên bang sau hai ngày nhóm họp. Triển vọng thay đổi chính sách tiền tệ vào cuối năm cũng mờ đi sau khi FED ra quyết định này. Các nhà hoạch định giữ nguyên lãi suất nhưng phát tín hiệu sẽ thắt chặt chính sách tiền tệ vào tháng 12.

Thị trường thế giới: Tuần qua, giá gạo Việt Nam tăng nhẹ do nguồn cung hạn chế, trong khi giá gạo giảm tại Ấn Độ và Thái Lan do nhu cầu tiêu thụ yếu và nguồn cung tăng lên.

Thị trường đường thế giới biến động giảm do lực bán ra tăng mạnh. Trong buổi đấu thầu tổ chức lần đầu tiên trong 5 năm qua, Trung Quốc đã bán đường dự trữ với mức giá cao hơn 15% so với mức giá tối thiểu mà chính phủ định ra, nhờ nhu cầu khá cao từ các khách hàng.

Giá cà phê tiếp tục tăng trong tuần này do thị trường tiếp tục lo ngại về sự thiếu hụt nguồn cung Robusta ở các nước trồng chủ chốt như Brazil, Việt Nam và Indonesia.

Tại Ấn Độ, giá hạt tiêu giao ngay tiếp tục giảm được cho là do xu hướng dễ dàng hơn ở thị trường giao sau, sự phát hành tiêu cũ trong kho và sự suy giảm giá ở Việt Nam.

Thị trường trong nước: Giá lúa, gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua tăng nhẹ do phía Trung Quốc bắt đầu mua gạo trở lại theo đường tiểu ngạch, tuy với khối lượng không nhiều. Nông dân khu vực ĐBSCL đang thu hoạch lúa Thu Đông, cộng thêm giá gạo Thái Lan giảm khiến xuất khẩu gạo Việt Nam còn khó khăn. Các nhà nhập khẩu gạo châu Phi đã chuyển sang mua gạo giá rẻ hơn của Pa-kis-tan và Thái Lan.

Do sắp hết hạn của đợt giao hàng cho dịp lễ Giáng Sinh và năm mới nên nhu cầu bắt cá đã tăng liên tục trong vòng 1-2 tuần qua tuy nhiên đầu tuần này sức mua đã chậm lại và giá tạm chững.

Tại Bình Phước, giá thu mua hạt điều khô sau khi đạt mức cao kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây là 52.000 đ/kg, hiện nguồn hàng tại địa phương đã cạn kiệt, nông dân không còn điều để bán.

LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Tuần qua, giá gạo Việt Nam tăng nhẹ do nguồn cung hạn chế, trong khi giá gạo giảm tại Ấn Độ và Thái Lan do nhu cầu tiêu thụ yếu và nguồn cung tăng lên.

Giá gạo 5% tấm của Việt Nam tuần qua tăng lên 350 – 355 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn), so với 350 USD/tấn tuần trước; gạo 25% tấm tăng lên 340 USD/tấn, so với 335 USD/tấn tuần trước. Một doanh nghiệp xuất khẩu gạo ở thành phố Hồ Chí Minh cho biết, hiện không có đủ lúa để chế biến gạo 25% tấm. Tuy nhiên, giá gạo Thái Lan thấp khiến gạo Việt Nam kém cạnh tranh hơn. Trung Quốc, nhà nhập khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam, đã mua gạo trở lại qua đường biên giới, tuy khối lượng chưa nhiều.

Nguồn cung tăng lên làm cho gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan tuần qua giảm xuống 345 – 350 USD/tấn (FOB Băng Cốc), so với 350 - 354 USD/tấn tuần trước. Mức giá 345 USD/tấn nằm trong vùng thấp nhất 13 tháng. Nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường nước ngoài hiện nay rất thấp, khách hàng có thể chờ giá giảm nữa mới mua vào. Thu hoạch lúa tại Thái Lan hiện đang diễn ra, với khoảng 80% sản lượng sẽ có mặt trên thị trường trong tháng này.

Theo Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO), giá trung bình gạo 25% tấm của Pakistan đạt 331 USD/tấn từ tháng 1 – 9/2016, thấp hơn gạo cùng loại của Việt Nam ở mức 335 USD/tấn.

Tại Ấn Độ, gạo đỏ 5% tấm tuần qua giảm 6 USD xuống còn 358 – 368 USD/tấn do nhu cầu tiêu thụ yếu và nguồn cung vụ mới tăng. Giá gạo Ấn Độ được dự đoán sẽ tiếp tục giảm trong vài tuần tới do nguồn cung dồi dào.

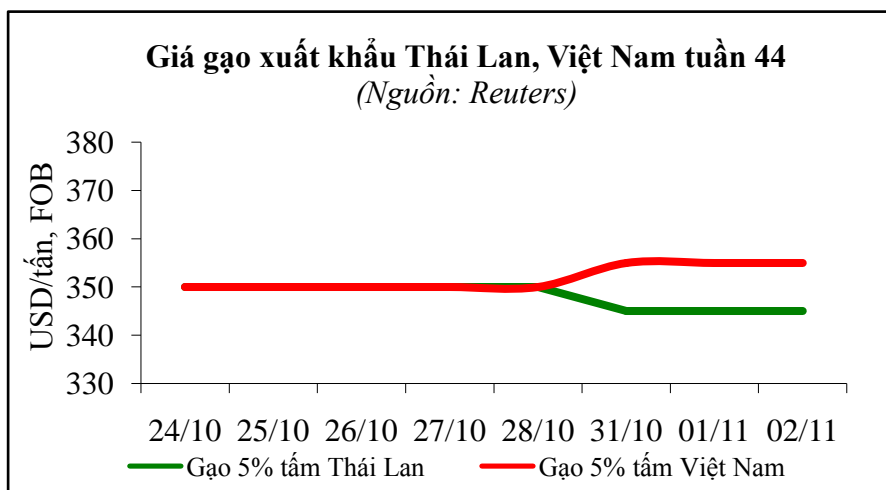
Trong tuần qua, Ủy ban Quản lý và Lập chính sách lúa gạo thuộc Chính phủ Thái Lan cho biết sẽ cấp khoản vay trị giá 35,8 tỷ baht (tương đương 1,02 tỷ USD) để hỗ trợ nông dân trồng lúa thơm hương nhài đang khó khăn do giá thành giảm, với điều kiện họ phải tích trữ loại gạo này trong 6 tháng nhằm giảm nguồn cung thị trường. Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác xã Nông nghiệp (BAAC) thuộc sở hữu của nhà nước sẽ triển khai cơ chế cho vay trên nhằm giảm tình trạng dư thừa nguồn cung gạo thơm hương nhài trên thị trường đồng thời bình ổn giá. Khoản vay trên sẽ được cấp cho 2 triệu hộ nông dân để trữ gạo trong kho, với thời gian 6 tháng.

Bộ trưởng Thương mại Thái Lan cho biết, nếu có thể đẩy giá gạo thơm hương nhài - loại gạo mới có chất lượng tốt nhất của Thái Lan - tăng lên, giá thành của những loại gạo khác cũng sẽ tăng. Chính phủ sẽ tìm nhiều biện pháp khác nhằm giúp tăng giá gạo.

Hiện nông dân Thái Lan đang vào mùa thu hoạch gạo thơm hương nhài, dự kiến sản lượng đạt 25 triệu tấn trong vụ mùa năm 2016/2017. Theo số liệu của Reuters, giá gạo thơm hương nhài 100% của Thái Lan ngày 28/10 ở mức 725 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ mức chạm đáy 710 USD/tấn hồi tháng 1/2008.

Theo Hiệp hội Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan, gạo thơm hương nhài chiếm 25% tổng xuất khẩu gạo của Thái Lan từ tháng 1/2016 đến tháng 8/2016.

LÚA GẠO



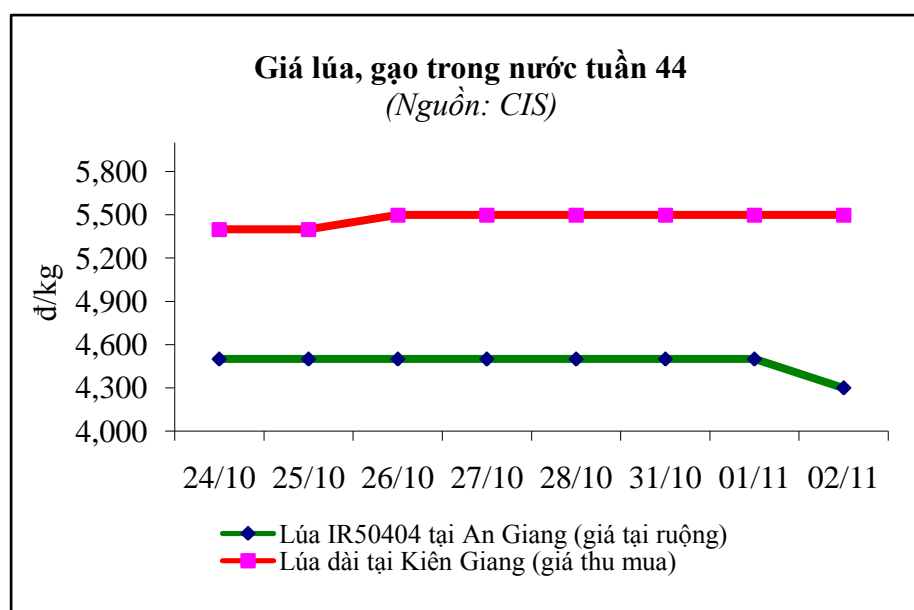
Thị trường trong nước: Giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL tuần qua đã tăng nhẹ do phía Trung Quốc bắt đầu mua gạo trở lại theo đường tiểu ngạch, tuy với khối lượng không nhiều. Nông dân khu vực ĐBSCL đang thu hoạch lúa Thu Đông, cộng thêm giá gạo Thái Lan giảm khiến xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn còn khó khăn. Các nhà nhập khẩu gạo châu Phi đã chuyển sang mua gạo giá rẻ hơn của Pa-kis-tan và Thái Lan.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, diễn biến giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua như sau: tại Bạc Liêu, giá thu mua lúa mới của Công ty Lương thực tỉnh tăng 100 đ/kg, chủng loại OM 5451 từ 5.500 đ/kg lên 5.600 đ/kg (lúa khô); chủng loại OM 4900 từ 5.600 đ/kg lên 5.700 đ/kg (lúa khô). Tại Kiên Giang, giá lúa sau khi giảm mạnh vào tuần trước đã tăng trở lại, với lúa tẻ thường tăng 200 đ/kg, từ 4.200 đ/kg lên 4.400 đ/kg; lúa dài ổn định ở mức 5.500 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa khô IR50404 không đổi ở mức 5.000 đ/kg.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), giá lúa khô tại kho khu vực ĐBSCL loại thường dao động từ 4.950– 5.050 đ/kg, lúa dài khoảng 5.250 – 5.350 đ/kg. Giá gạo nguyên liệu loại 1 làm ra gạo 5% tằm hiện khoảng 6.600 – 6.700 đ/kg tùy từng địa phương, gạo nguyên liệu làm ra gạo 25% tằm là 6.450 – 6.550 đ/kg tùy chất lượng và địa phương. Giá gạo thành phẩm 5% tằm không bao bì tại mạn hiện khoảng 7.300 – 7.400 đ/kg, gạo 15% tằm 7.150 – 7.250 đ/kg và gạo 25% tằm khoảng 7.000 – 7.100 đ/kg tùy chất lượng và địa phương.

Từ giữa năm 2016, VFA đã hạ chỉ tiêu xuất khẩu gạo từ 6,5 triệu tấn xuống còn 5,65 triệu tấn. Tuy nhiên, đến nay mục tiêu này cũng được dự báo khó có thể đạt được. Thị trường lúa gạo nội địa hiện đang tăng trở lại, song tiêu thụ gạo vẫn trong giai đoạn khó khăn. Ngoài nguyên nhân là nhu cầu tiêu thụ yếu, giá gạo nội địa giảm còn do giá gạo của các nguồn cung khác như Thái Lan, Pa-kis-tan và Ấn Độ cũng đang ở mức thấp. Trong khi đó, các nước này đang vào vụ thu hoạch chính, nên giá bán được dự báo sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới. Ngược lại, nông dân Việt Nam đang thu hoạch vụ 3 nhưng sản lượng không đáng kể. Thời gian gần đây, khu vực ĐBSCL liên tục mưa lớn khiến năng suất, chất lượng gạo cũng không đảm bảo. Nếu chỉ xét về giá bán và chất lượng gạo ở thời điểm này, gạo Việt Nam đã khó cạnh tranh hơn so với các nguồn cung khác.

LÚA GẠO



Phân tích về nhu cầu của thị trường hiện nay, nhiều doanh nghiệp không đạt kế hoạch kinh doanh do thị trường lúa gạo liên tục rơi vào tình trạng ảm đạm, cung lớn hơn cầu. Trung Quốc là thị trường chính và tiềm năng của xuất khẩu gạo Việt Nam, nhưng hiện đã hết quota nhập khẩu chính ngạch.

Tại Phi-lip-pin, ngoài 293.000 tấn gạo Cơ quan Lương thực quốc gia Phi-lip-pin (NFA) đã giao cho thương nhân thu mua nên nước này có thể tổ chức đấu thầu mua thêm khoảng 250.000 tấn gạo, để đảm bảo lượng tồn kho thiếu hụt. Tuy nhiên, việc đấu thầu phải chờ đến cuối tháng 11/2016 mới có thông tin chính thức. Do vậy, lượng gạo này có thể phải qua đầu năm 2017 mới được giao. Còn các thị trường khác đến nay vẫn chưa có gì tiến triển khả quan.

Đến thời điểm này, việc dự báo xuất khẩu gạo tăng, giảm bao nhiêu, hay tín hiệu thị trường thế nào còn là ẩn số. Ngoài nhu cầu nhỏ từ thị trường Trung Quốc và Philippines, xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn trong giai đoạn hết sức trầm lắng.

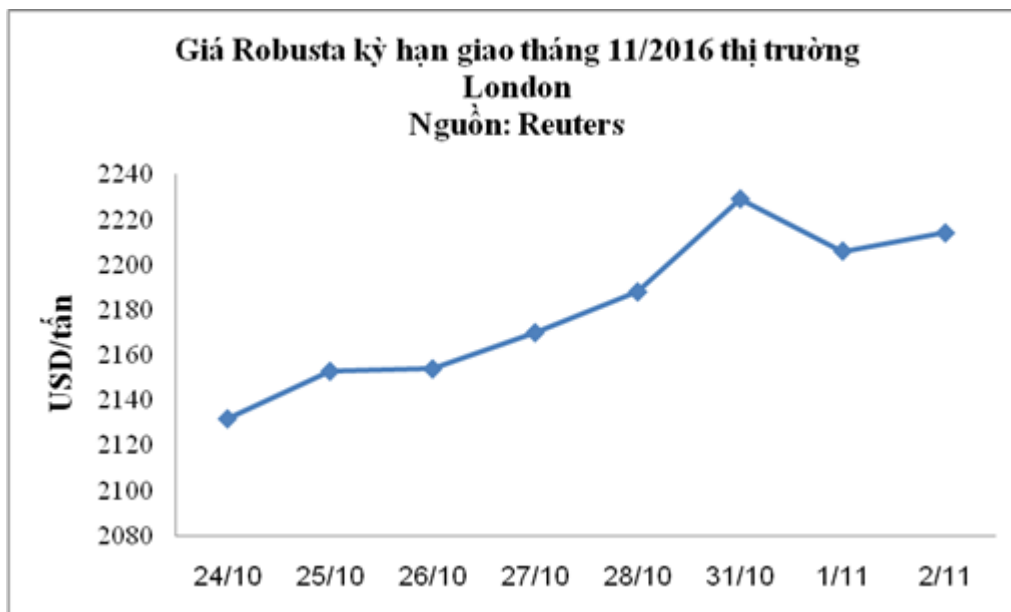
Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thị trường hiện nay cũng như hợp đồng đăng ký xuất khẩu gạo của các doanh nghiệp, VFA cho rằng xuất khẩu gạo cả năm có thể đạt trên 5 triệu tấn (chưa bao gồm hơn 1 triệu tấn xuất khẩu qua đường mậu biên sang Trung Quốc).

N.L.A

CÀ PHÊ



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 11/2016 tăng 26 USD/tấn lên 2.214 USD/tấn. Giá cà phê tăng do thị trường tiếp tục lo ngại về sự thiếu hụt nguồn cung Robusta ở các nước trồng chủ chốt như Brazil, Việt Nam và Indonesia.



Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) cho biết, trong tháng 9/2016, xuất khẩu cà phê toàn cầu tăng 1,1% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt tổng cộng 8,99 triệu bao loại 60 kg/bao. Tính cả niên vụ 2015/16, bắt đầu từ 1/10/2015, xuất khẩu cà phê đã giảm 0,7% xuống 111,83 triệu bao. Xuất khẩu cà phê Robusta trong tháng 9/2016 tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước đạt 3,52 triệu bao. Xuất khẩu cà phê Robusta trong niên vụ này đã giảm 6,9% xuống 40,81 triệu bao. Xuất khẩu Arabia trong tháng 9/2016 thấp hơn 2,9% so với cùng tháng năm trước, xuống 5,47 triệu bao. Tính từ đầu niên vụ tới nay xuất khẩu Arabica tăng 3,2% lên 71,02 triệu bao.

Theo số liệu thương mại của Chính phủ Indonesia, nước này đã xuất khẩu được 22.269,7 tấn cà phê Robusta từ khu vực trồng chính ở Sumatra trong tháng 10/2016, giảm 43% so với năm trước.

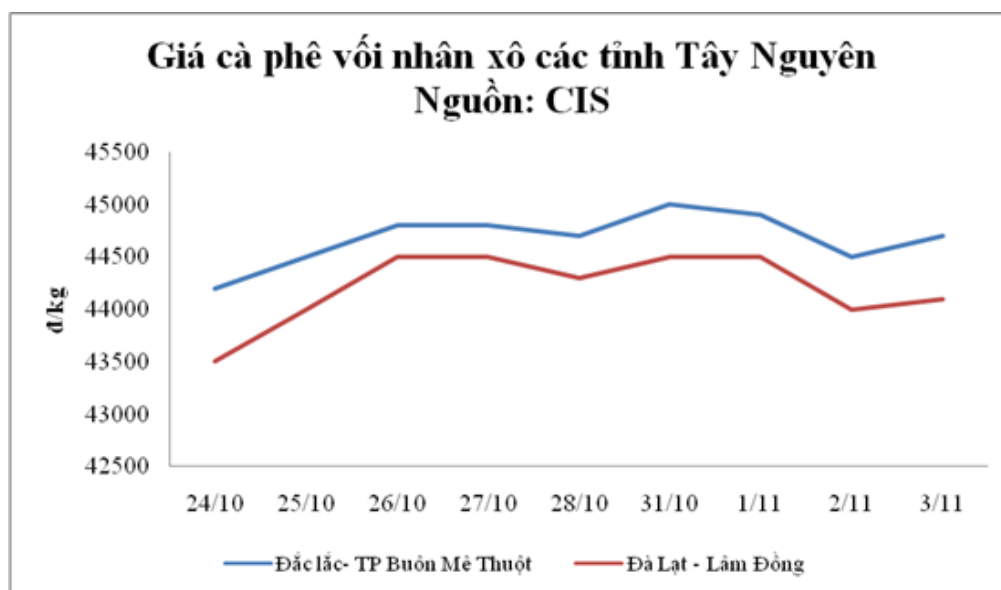
Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới (AHDECAFE), xuất khẩu cà phê của Honduras đã tăng hơn gấp ba lần trong tháng 10/2016 so với cùng tháng năm trước, chủ yếu do xuất khẩu các lô hàng vụ trước. Trong tháng 10/2016 – tháng đầu tiên của vụ mới 2016/17, xuất khẩu từ nhà sản xuất hàng đầu Trung Mỹ đạt 84.088 bao loại 60kg, so với mức 19.734 bao trong cùng tháng vụ trước.

Ngân hàng Commerzbank cho biết, cà phê lưu kho giảm mạnh hơn trong vụ 2016/17 với thâm hụt nguồn cung toàn cầu lần thứ hai liên tiếp. Cũng theo Commerzbank, sản lượng Robusta có xu hướng suy yếu ở các nước trồng chủ chốt như Brazil, Việt Nam và Indonesia.

CÀ PHÊ



Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước tiếp tục duy trì mức giá cao. Giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện đang ở mức 44.100 – 44.700 đ/kg. Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM ở mức 2.034 USD/tấn.



Việt Nam – nước sản xuất Robusta hàng đầu được dự kiến xuất khẩu khoảng 100.000 – 110.000 tấn cà phê (tương đương 1,67 – 1,83 triệu bao loại 60kg) trong tháng 11/2016, giảm so với tháng trước. Lượng cà phê xuất khẩu của tháng 11/2016 có thể thấp hơn bởi các nhà xuất khẩu Việt Nam có thể tạm ngừng do lo ngại mưa ảnh hưởng đến thu hoạch. Thông thường cuối tháng này mưa ở vành đai cà phê của Việt Nam sẽ dứt.

Mưa trong những tuần gần đây đã làm trái cà phê chín chậm tại Tây Nguyên, làm dấy lên quan ngại về nguồn cung trong vài tuần tới. Vụ thu hoạch năm nay sẽ đến muộn hơn thường lệ và nếu thời tiết không cải thiện, có thể thị trường sẽ thiếu cà phê trong nửa đầu tháng 11/2016.

Theo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Nông, mùa mưa kéo dài, nên sẽ xảy ra tình trạng rơi rụng trái chín, trong khi đó cà phê thu hoạch về không được phơi sấy, xử lý sẽ bị mốc, đen ảnh hưởng tới chất lượng cà phê thương phẩm.

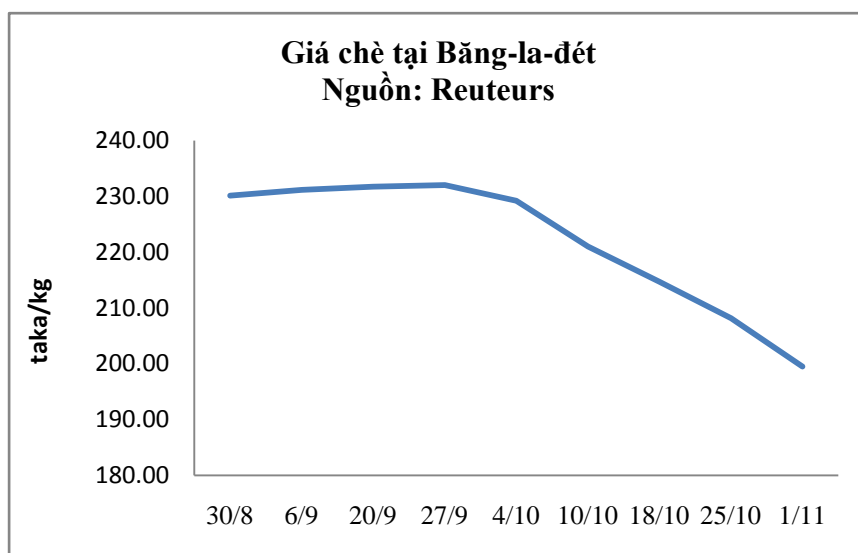
Mực nước trên các sông tại Tây Nguyên dự báo thấp hơn trung bình từ 20 – 60% vào mùa khô kéo dài tới tháng 4, theo khảo sát của nhóm UN tại Việt Nam. Thiếu nước từ tháng 2 – 4 vốn là thời gian ra hoa cho chu kỳ sản xuất niên vụ 2017/18 có thể làm giảm sản lượng.

HNN

CHÈ



Thị trường thế giới: Giá chè Bangladesh tiếp tục giảm khoảng 48% trong phiên đấu giá tuần qua (1/11) do nhu cầu tiêu thụ thấp đối với chè chất lượng kém, song sự sụt giảm trong lượng cung cấp đã hạn chế giá giảm sâu hơn. Giá chè Bangladesh giao dịch trung bình ở mức 199,49 taka/kg (tương đương 2,5 USD/kg) trong phiên đấu giá thứ 25 từ đầu vụ đến nay, so với 208,13 taka/kg trong phiên đấu giá trước (25/10). Khoảng 2.390 tấn chè được chào bán tại trung tâm đấu giá Chittagong tuần này, trong đó có khoảng 29,4% lượng chè không giao dịch thành công. Trong phiên đấu giá trước, khoảng 28% lượng chè đấu giá không thành công trong tổng số 2.660 tấn chào bán.



Trong phiên đấu giá tuần này (1/11) tại Mombasa, giá chè loại tốt nhất của Kenya là Best Broken Pekoe Ones (BP1s) tiếp tục giữ ổn định trong khoảng 3,48-4,20 USD/kg. Hai loại chè PF1, PD tăng giá so với tuần trước, trong khi D1 giảm nhẹ. Kenya là nước xuất khẩu chè đen hàng đầu thế giới và đây cũng là mặt hàng mang lại ngoại tệ nhiều nhất cho quốc gia này.

Loại chè	Giá tuần này (USD/kg)	Giá tuần trước (USD/kg)
BP1	3,48-4,20	3,24-4,20
PF1	3,30-3,80	3,12-3,70
PD	3,39-4,30	3,50-3,90
D1	3,20-4,00	3,25-4,05



Ước tính sản lượng chè của Kenya trong năm 2017 đạt 445.000 tấn, tăng 3,5% so với mức sản lượng dự kiến là 430 nghìn tấn trong năm nay. Kenya là nước xuất khẩu chè đen hàng đầu thế giới, mặt hàng này đem về nguồn thu ngoại tệ lớn nhất cho đất nước, với 125,25 tỉ shilling (tương đương 1,24 tỷ USD) doanh thu trong năm 2015. Nông dân trồng chè Kenya đã được hưởng lợi từ vụ thu hoạch tốt trong năm nay, với tổng sản lượng dự kiến sẽ tăng ít nhất 10%, chủ yếu là do mưa lớn kết hợp với các hiện tượng thời tiết El Nino.

Tuy nhiên, theo Cơ quan Nông nghiệp, Thủy sản và Thực phẩm Kenya, mùa mưa ngắn, thường bắt đầu vào tháng 10, có thể diễn ra ngắn hơn so với bình thường trong nhiều khu vực do hiện tượng El Nino có thể kìm hãm sự gia tăng sản lượng.

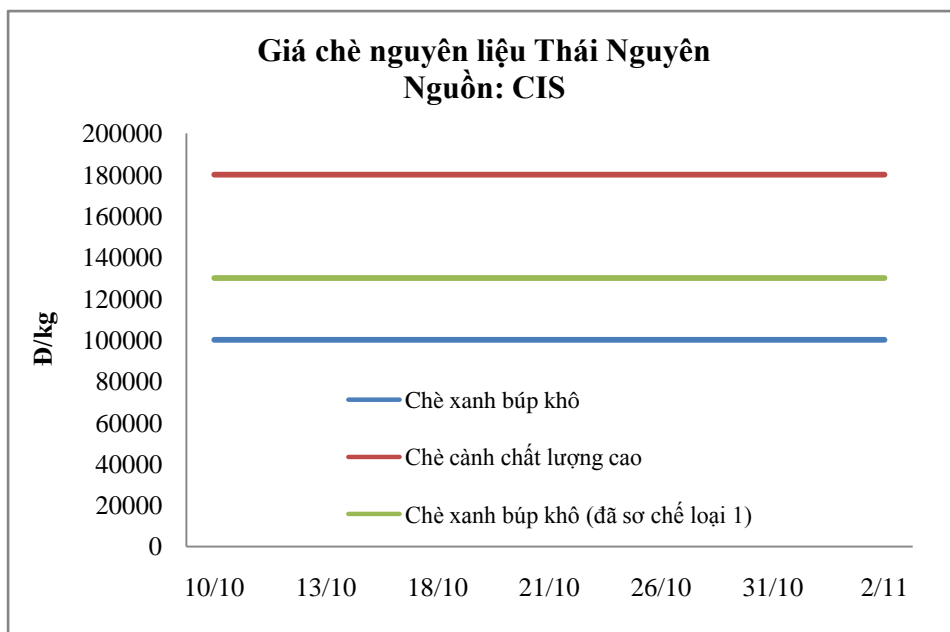
Sản lượng chè đen toàn cầu tính đến thời điểm này trong năm đã tăng 3,65% so với cùng kỳ năm 2015. Theo ước tính của Global Tea Digest, sản lượng chè đen toàn cầu đã tăng lên 1,351 triệu tấn, tăng 3,65 phần trăm so với 1,303 triệu tấn trong năm 2015, mặc dù sản lượng giảm tại hai nước sản xuất lớn - Ấn Độ và Sri Lanka. Trong khi Ấn Độ giảm 4.630 tấn xuống còn 717.070 tấn, Sri Lanka giảm 26.910 tấn đạt 196.850 tấn. Tất cả những thiệt hại đã được bù đắp từ sự gia tăng sản lượng ở Kenya, nhờ thời tiết thuận lợi. Tính đến nay, sản lượng chè Kenya đã tăng 7.348 tấn so với cùng kỳ năm ngoái lên 308.100 tấn.

Thị trường trong nước: Tại Thái Nguyên, giá chè nguyên liệu tuần này không đổi so với tuần trước. Cụ thể, chè xanh búp khô hiện ở mức 100.000 đ/kg, chè cành chất lượng cao 180.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 130.000 đ/kg.

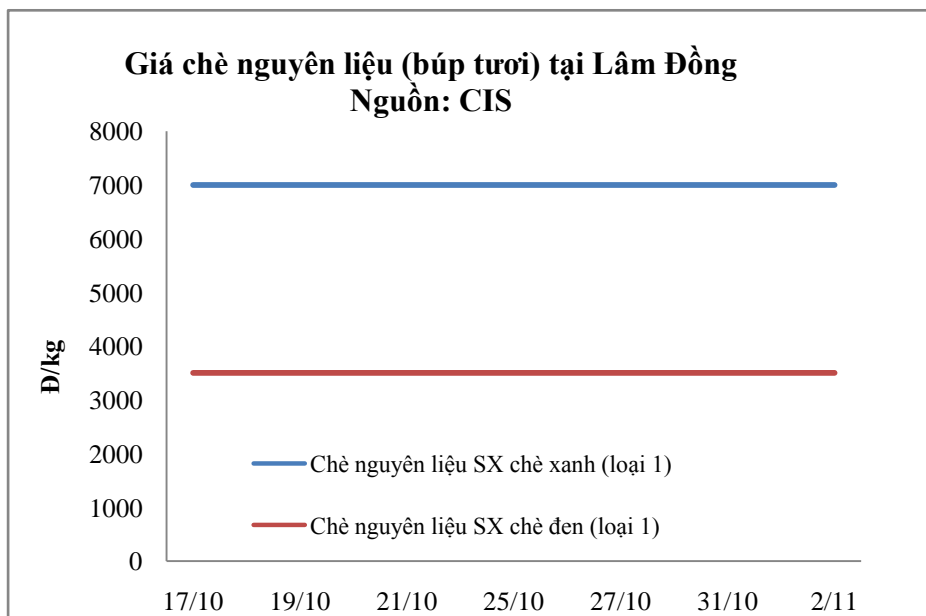
Sản xuất chè vụ đông có thể cho thu nhập cao gấp 2-3 lần so với chè chính vụ. Vì thế, những năm gần đây, ngoài việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm chè, huyện Đại Từ (Thái Nguyên) rất chú trọng phát triển sản xuất chè vụ đông.

Năm nay, do thời tiết nắng nóng kéo dài, ít mưa nên bà con càng gặp khó khăn trong sản xuất chè vụ đông. Thông thường vào thời điểm này, những diện tích sản xuất chè đông vẫn đang cho thu hái và kéo dài đến cuối tháng 11. Tuy nhiên, với tình hình thời tiết ít mưa như hiện nay, có thể nhiều diện tích chè sẽ bị hỏng và chè vụ đông năm nay đứng trước nguy cơ thất bát. Trước tình hình này, cơ quan chức năng khuyến cáo bà con tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn cho chè như: Đào ao, ngăn đập, xây bể, mua sắm máy bơm nước, tích cực chăm sóc, bón phân, làm cỏ và ủ gốc cho chè bằng các loại cây phân xanh, lá cây tươi để giữ ẩm...

CHÈ



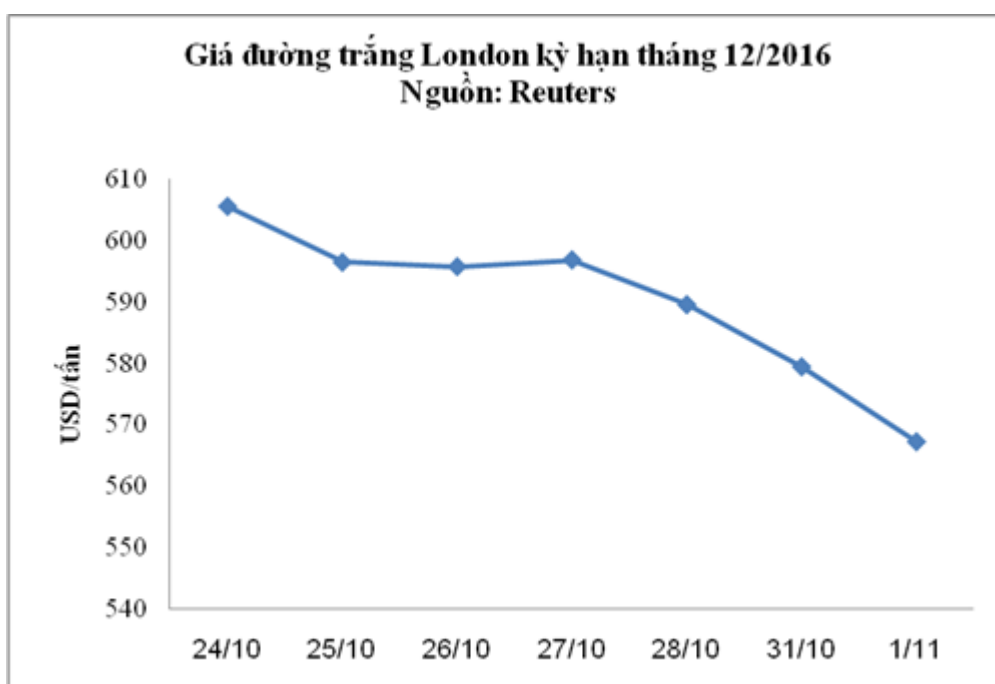
Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng, giá chè nguyên liệu tuần này ổn định. Cụ thể, giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 giữ mức 7.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 3.500 đ/kg.



MÍA ĐƯỜNG



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London giao tháng 12/2016 giảm 22,3 USD/tấn xuống mức 595,7 USD/tấn. Giá đường giảm do lực bán ra tăng mạnh.



Trong buổi đấu thầu tổ chức lần đầu tiên trong 5 năm qua, Trung Quốc đã bán đường dự trữ với mức giá cao hơn 15% so với mức giá tối thiểu mà chính phủ định ra, nhờ nhu cầu khá cao từ các khách hàng. Các chuyên gia phân tích nhận định mức giá chào thầu cao hơn con số mà thị trường dự kiến, trong bối cảnh các nhà chế biến thực phẩm tăng nhập đường từ kho dự trữ quốc gia do sản lượng tại nước tiêu thụ đường hàng đầu thế giới này sụt giảm. Trung tâm Quản lý Hàng hóa Dự trữ Trung Quốc cho biết trung tâm này đã bán 200.000 tấn đường trắng trong buổi đấu thầu, nhưng một quan chức của trung tâm từ chối tiết lộ giá bán. Có thông tin cho thấy giá chào thầu ở mức bình quân 6.900 NDT (1.018 USD)/tấn. Công ty Shangdong Xinguang Sugar đã mua khoảng 10.000 tấn với mức giá bình quân khoảng 6.900 NDT/tấn trong buổi đấu giá này.

Mức giá chào thầu cao hơn con số 6.100 NDT mà Chính phủ Trung Quốc đã trả trong đợt thu mua đường để dự trữ cách đây 3 năm. Số lượng đường chào thầu lần này chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng lượng dự trữ, ước tính vào khoảng 7 triệu tấn của Trung Quốc - tương đương với lượng đường nhập khẩu của nước này trong một năm.

Thị trường trong nước: Tuần qua, giá bán buôn đường kính trắng trên thị trường Hà Nội duy trì mức 17.000 đ/kg, tại TP.HCM và miền Trung, giá ở mức 16.600 - 16.800 đ/kg. Giá bán buôn đường tinh luyện hiện khoảng 17.000 - 17.700 đ/kg.

MÍA ĐƯỜNG



Mặc dù giá mía nguyên liệu đang được các nhà máy thu mua ở mức khá cao, song nông dân ở nhiều nơi vẫn chần chừ không muốn bán vì muốn chờ giá tăng hơn nữa. Điều này khiến một số nhà máy phải sản xuất cầm chừng.

Từ cuối tháng 9, Công ty CP Mía đường Cần Thơ đã đi vào hoạt động 2 nhà máy; Công ty TNHH Mía đường cồn Long Mỹ Phát cũng đưa nhà máy vào hoạt động từ đầu tháng 9... Tuy nhiên, theo phản ánh từ các nhà máy, do dự báo giá đường sẽ tiếp tục tăng nên dù đã vào chính vụ ép, nông dân vẫn thu hoạch nhỏ giọt và chưa chịu bán mía trong lúc này. Hiện Hậu Giang là nơi có vùng nguyên liệu mía lớn nhất ĐBSCL với gần 11.000ha mía, trong đó gần 5.000ha là mía chín sớm (chủ yếu là giống mía ROC 16) đã đến kỳ thu hoạch và cho chữ đường khá cao. Tuy nhiên, hiện toàn tỉnh mới thu hoạch được hơn 1.500ha mía, dù các nhà máy đã trả giá thu mua mía tại ruộng ở mức 1.200 đồng/kg. Sở dĩ có tình trạng này là do năm nay diện tích mía toàn vùng ĐBSCL giảm, bà con cũng như các chuyên gia dự đoán sắp tới sẽ xảy ra tình trạng thiếu nguyên liệu khi các nhà máy đồng loạt vào vụ ép. Bên cạnh đó, từ khi có hệ thống đê bao, bà con cũng không còn bị áp lực phải thu hoạch mía chạy lũ nên nhiều người có tâm lý giữ lại mía chờ chữ đường cao hơn, cũng như đợi giá thu mua tiếp tục nhích lên mới chặt mía bán.

HNN

HẠT ĐIỀU



Thị trường thế giới: Hiện tượng El Nino không gây hại đáng kể cho mùa vụ sắp tới tại Ấn Độ và Việt Nam nhờ độ ẩm đất cao giúp chống lại tác động xấu của sóng nhiệt El Nino. Còn tại Braxin, sản lượng thu hoạch và xuất khẩu của nước này sắp tới sẽ tăng bởi điều kiện thời tiết năm nay đang rất thuận lợi cho vụ thu hoạch mới.

Tại thị trường Ấn Độ, người bán buôn hiện không quan tâm tới hạt điều W320 hay bất kỳ loại có phẩm cấp cao nào khác. Giá mua hạt điều W320 với số lượng nhỏ hiện khoảng 8700 Rs/hộp (11,34 kg), bao gồm thuế VAT tại thị trường Goa – Mangalore. Cùng mặt hàng đó, giá mua trả tiền ngay của các nhà xuất khẩu là 8000 Rs/ hộp, đã bao gồm VAT, không đóng gói.

Giá hạt điều giao ngay tại thị trường Delhi đã bắt đầu tăng từ cuối tuần trước nhờ nhu cầu tiêu thụ tăng. Theo đó, điều nhân vỡ 2 mảnh, 4 mảnh và 8 mảnh có mức tăng chung là 12,5 Rs/kg, hiện đạt 742,5 Rs/kg; 720 Rs/kg và 637,5 Rs/kg; điều nhân W240, hạt điều số 180 có mức tăng lần lượt là 10 Rs/kg; 15 Rs/kg và hiện có mức giá là 895 Rs/kg và 1105 Rs/kg.

Tham khảo giá hạt điều giao ngay tại thị trường Delhi, Ấn Độ

DVT: Rs/kg

Ngày	Điều nhân vỡ 2 mảnh	Điều nhân W240	Điều nhân vỡ 4 mảnh	Điều nhân vỡ 8 mảnh	Hạt điều số 180
25/10	730	885	707,5	625	1090
26/10	730	885	707,5	625	1090
28/10	742,5	895	717,5	637,5	1105
2/11	742,5	895	720	637,5	1105

(Nguồn: cashewinfo)

Thị trường trong nước: Tại Bình Phước, giá thu mua hạt điều khô sau khi đạt mức cao kỉ lục trong nhiều năm trở lại đây là 52.000 đ/kg, hiện nguồn hàng tại địa phương đã cạn kiệt, nông dân không còn điều để bán. Sản lượng điều của Bình Phước đạt 200.000 tấn/năm đứng đầu cả nước. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại, hơn 200 doanh nghiệp cùng trên 300 cơ sở chế biến hạt điều tại địa phương này không có đủ nguồn nguyên liệu để sản xuất gây ra nhiều khó khăn. Thời tiết khô hạn, cây điều già cỗi khiến sản lượng điều cả nước năm nay giảm 20% và chỉ đáp ứng được 1/3 nhu cầu chế biến. Những doanh nghiệp xuất khẩu chủ lực phải qua tận châu Phi để nhập hàng về nhưng nguy cơ không chỉ ảnh hưởng đến đơn hàng xuất khẩu của doanh nghiệp chế biến, mà có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm do khó kiểm soát được chất lượng đầu vào của nguyên liệu nhập khẩu.

HẠT ĐIỀU



Hiệp hội Điều Việt Nam ước tính kim ngạch xuất khẩu năm nay sẽ đạt 300.000 tấn điều hạt chế biến, tăng từ 286.000 tấn năm ngoái, trong đó xuất khẩu sang Mỹ chiếm 34%. Giá trị xuất khẩu cả năm nay có thể đạt mức kỷ lục 2,7 tỷ USD, vượt qua mức kỷ lục của năm ngoái là 2,4 tỷ USD. Trong khi sản lượng từ châu Phi có thể bù đắp cho một vụ mùa thất thu của Việt Nam, thì việc nhu cầu gia tăng vẫn đang tác động đến thị trường điều chế biến. Theo số liệu của Bộ Công nghiệp Việt Nam, giá điều xuất khẩu đã tăng 22% lên 7.809 USD/tấn trong tháng 8. Còn giá mỗi tấn điều xuất khẩu theo điều kiện FOB tại TPHCM vào ngày 30/10 đạt 9.000 USD. Giá cao trong năm nay có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tổng thể trong năm tới.

Tuần trước, giá xuất khẩu hạt điều sang một số thị trường như Trung Quốc, Singapo tăng nhẹ so với tuần trước đó. Cụ thể là, nhân hạt điều sấy khô WW240 xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 0,1 USD/kg, đạt 10,55 USD/kg; Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến WW320 xuất khẩu sang Singapo tăng 0,44 USD/kg, đạt 9,70 USD/kg.

Tham khảo giá xuất khẩu hạt điều tuần từ 24 – 30/10/2016

Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Thị trường
Nhân hạt điều SP	KG	15876	6,28	Úc
Hạt điều nhân Việt Nam W320	KG	24948	9,47	Bulgaria
Hạt điều WW240	KG	11340	10,52	Canada
Nhân hạt điều sấy khô WW240	KG	6804	10,55	Trung Quốc
Hạt điều nhân W320	KG	15876	9,26	Cộng hòa Séc
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW320	KG	15876	8,73	Đức
Nhân hạt điều LP	LBS	35000	3,06	Ấn Độ
Hạt điều nhân W320	KG	14000	9,65	Israel
Nhân hạt điều BB1	KG	17010	3,64	Italy
Nhân hạt điều đã bóc vỏ WW320	LBS	35000	4,15	Nhật Bản
Hạt điều nhân (đã bóc vỏ, chưa rang) WW180	KG	5000	11,93	Lebanon
Hạt điều nhân WW320	KG	7938	10,34	Lithuania
Nhân hạt điều WW320	KG	15876	9,52	Hà Lan
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ lựa, chưa rang) SP	Tấn	3,4	5823,53	Niu di lân
Nhân hạt điều LP	KG	15876	6,35	Nga
Hạt điều nhân W320	Tấn	7,24	9701,88	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW320	KG	15876	8,60	Anh
Nhân hạt điều WW320	KG	16556,4	9,72	Mỹ

(Theo Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại)

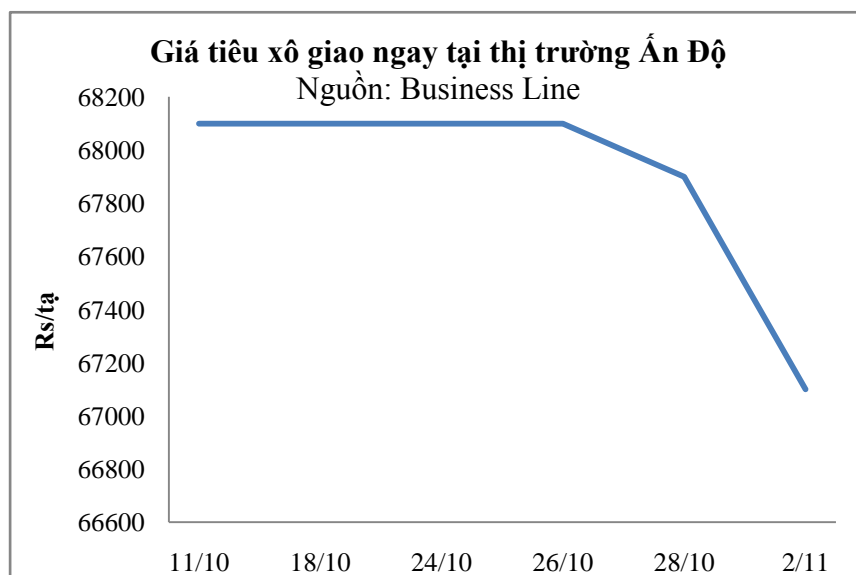
T.T.P.

HẠT TIÊU



Thị trường thế giới: Ngoại trừ ở Sri Lanka, giá tiêu ở hầu hết các nước sản xuất giảm trong tuần qua, với mức giá tương đối ổn định được ghi nhận ở Ấn Độ và Malaysia. Tại Indonesia và Việt Nam, giá tiêu tiếp tục giảm. Thị trường ở Lampung và Bangka trầm lắng trong tuần do người trồng không muốn đưa tiêu ra thị trường ở mức giá thấp hiện nay, mà chỉ tung ra một số lượng tối thiểu nếu cần tiền mặt gấp.

Tại thị trường Ấn Độ, giá hạt tiêu giao ngay tiếp tục giảm được cho là do xu hướng dễ dàng hơn ở thị trường giao sau, việc phát hành tiêu cũ trong kho và suy giảm về giá ở Việt Nam. Tiêu vùng cao giảm xuống 670 Rs/kg; tiêu Wayanad được chào bán 660-665 Rs/kg. Do đó, giá giao ngay giảm 1.000 Rs/tạ so với cuối tuần trước xuống chỉ còn 67.100 Rs/tạ (tương đương 10.040 USD/tấn) cho loại tiêu xô và 70.100 Rs/tạ (tương đương 10.4897 USD/tấn) cho tiêu chọn. Trên Sàn Hiệp hội Gia vị (IPSTA), hợp đồng tháng 11/2016 giảm 1.000 Rs/tạ so với cuối tuần trước xuống còn 70.000 Rs/tạ (tương đương 10.474 USD/tấn), hợp đồng giao tháng 1/2017 không thay đổi ở mức 57.000 Rs/tạ (tương đương 8.529 USD/tấn) trong khi hợp đồng tháng 12/2016 tăng tăng 2.000 Rs/tạ lên 64.000 Rs/tạ. Giá xuất khẩu đang ở mức 10.800 USD/tấn C&F cho thị trường châu Âu và 11.050 USD/tấn cho thị trường Mỹ, giảm 150 USD/tấn so với cuối tuần trước.

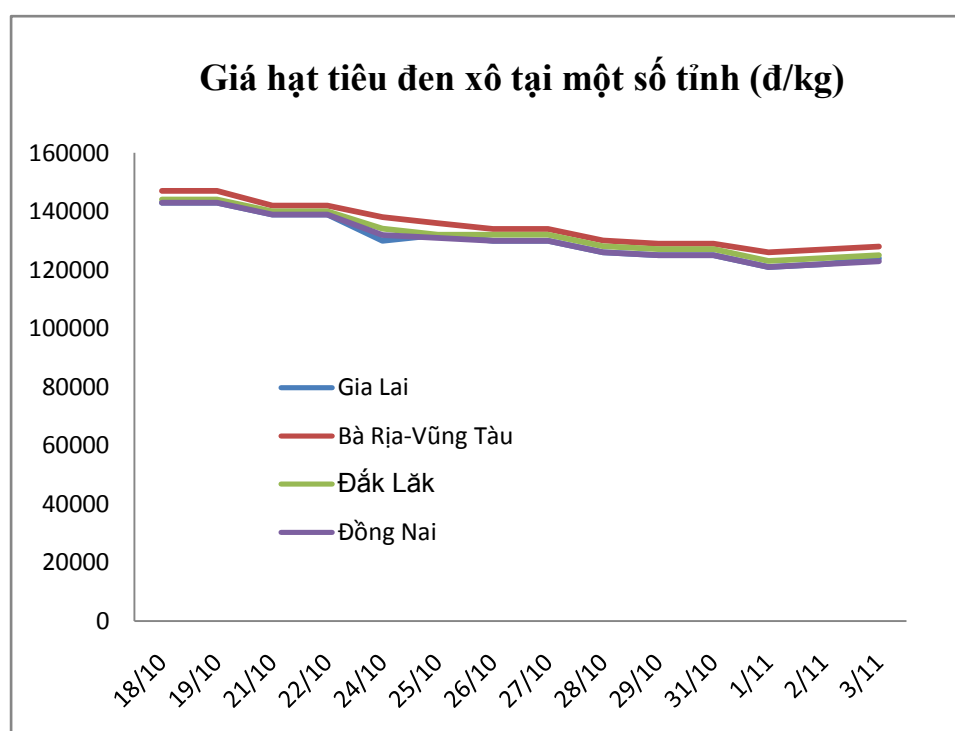


Thị trường trong nước: Giá hạt tiêu tại thị trường trong nước tuần này tiếp tục biến động giảm so với tuần trước. Ngày 3/11/2016, giá tiêu đen nguyên liệu tại một các vùng nguyên liệu Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Đồng Nai lần lượt ở mức 124.000 đ/kg, 125.000 đ/kg, 125.000 đ/kg, 123.000 đ/kg, trung bình giảm 10.000 đ/kg so với tuần trước. Trong tuần tới, giá tiêu có khả năng chững lại hoặc giảm nhẹ.

HẠT TIÊU



Giá cả cùng với nhu cầu tiêu trên thị trường thế giới giảm đã tác động đến thị trường trong nước, kéo giá tiêu tại Việt Nam giảm mạnh trong thời gian qua. Các nước xuất khẩu hạt tiêu lớn cùng bán hàng dự trữ ra thị trường để chuẩn bị cho vụ thu hoạch mới. Việt Nam hiện đang là một trong 4 nước có sản lượng hạt tiêu lớn nhất thế giới. Hạt tiêu của Việt Nam sản xuất ra có đến trên 70% là xuất khẩu sang hơn 40 nước. Tuy là nước chi phối được sản lượng hạt tiêu trên thế giới, song hạt tiêu của Việt Nam chủ yếu xuất khẩu thô sang Ấn Độ và một số nước trung gian khác, sau đó mới chế biến và xuất khẩu tiếp nên tiêu của Việt Nam chưa có thương hiệu riêng, giá thường thấp hơn so với tiêu của các nước sản xuất khác.

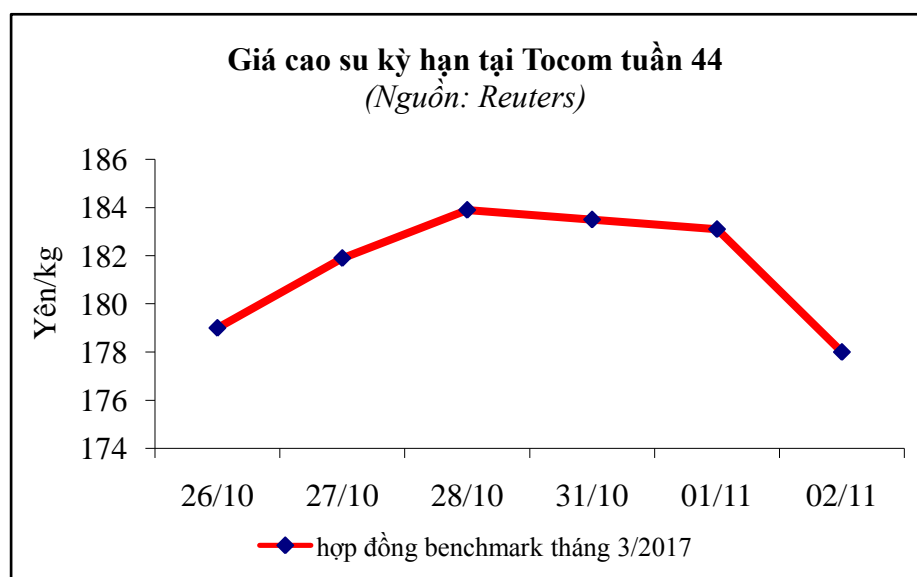




Thị trường thế giới: Thị trường cao su giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (Tocom) biến động giảm mạnh trong tuần qua do giá dầu suy giảm. Hợp đồng benchmark mới, kỳ hạn tháng 4/2017 giảm xuống mức thấp nhất 1 tuần cuối phiên giao dịch 2/11, giảm phiên thứ 3 liên tiếp, chỉ đạt 178 yên/kg do chịu ảnh hưởng bởi giá dầu suy giảm và bất ổn về bầu cử Tổng thống Mỹ vào tuần tới khiến đồng đô la Mỹ giảm so với đồng yên Nhật Bản.

Trước đó, hợp đồng benchmark tháng 4/2017 đã liên tục giảm trong các phiên 31/10 và 1/11, với các mức giá đóng cửa lần lượt là 183.5 yên/kg và 183.1 yên/kg, từ mức cao nhất trong gần 5 tháng do các nhà đầu tư đẩy mạnh bán ra chốt lời khi giá dầu sụt giảm mạnh xuống mức thấp 1 tháng.

Giá dầu giảm xuống mức thấp nhất 1 tháng trong phiên giao dịch 31/10, sau khi giảm hơn 3%, do nghi ngờ về khả năng của OPEC thực hiện kế hoạch cắt giảm sản lượng, thị trường chịu áp lực bởi kỳ vọng sản lượng trong tháng 10 đạt mức cao kỷ lục.



Theo dự báo của Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), thị trường cao su chỉ có thặng dư nhỏ trong vài năm tới, cung sẽ thấp hơn cầu kể từ năm 2020 trở đi. Phát biểu tại Hội nghị thường niên ngành cao su lần thứ 9 của ANRPC tại Guwahati, Ấn Độ, bà Sheela Thomas – Chủ tịch ANRPC cho rằng giá cao su thiên nhiên không chỉ được quyết định bởi tương quan cung – cầu, mà còn bị ảnh hưởng mạnh bởi khuynh hướng chung trên thị trường hàng hóa, giá dầu thô và tỷ giá đồng tiền của các nước xuất khẩu cao su chính. Do những tác động này, giá cao su thiên nhiên không phải luôn luôn phản ánh sự mất cân đối cung – cầu.



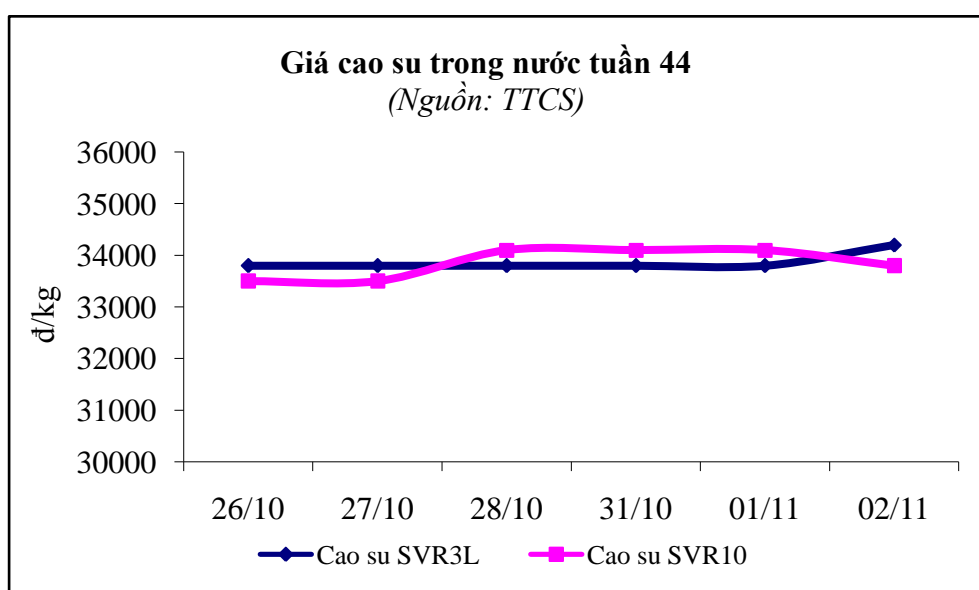
Theo Bộ Nông lâm ngư nghiệp Campuchia (MAFF), xuất khẩu cao su thiên nhiên của Campuchia tiếp tục tăng trong 9 tháng đầu năm 2016, bất chấp nhu cầu toàn cầu giảm và giá cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới duy trì ở mức thấp. Dữ liệu do MAFF vừa công bố cho thấy xuất khẩu cao su thiên nhiên của Campuchia trong 9 tháng đầu năm 2016 đạt 82.825 tấn, tăng gần 11% so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích trồng cao su tại Campuchia cũng tiếp tục tăng.

Trong tháng 3/2016, Chính phủ Campuchia đã ban hành quy định về thuế xuất khẩu cao su. Nếu giá cao su thiên nhiên toàn cầu giảm xuống dưới 1.000 USD/tấn, các nhà xuất khẩu sẽ không phải đóng thuế, nhưng nếu giá cao su thiên nhiên quốc tế đạt từ 1.000 – 2.000 USD/tấn, mức thuế sẽ là 50 USD/tấn và 100 USD/tấn nếu giá vượt mốc trên.

Tổng diện tích trồng cao su của Campuchia tính đến tháng 9/2016 đạt 402.310 ha, cao hơn mục tiêu 400.000 ha đến năm 2020. Trong diện tích này, có khoảng 123.270 ha đang được chăm sóc. Bất chấp giá thấp và sản lượng tăng, ông Heng cho rằng các nhà sản xuất kỳ vọng thị trường sẽ phục hồi.

Thị trường trong nước: Tuần qua, giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh diễn biến giảm trái ngược với xu hướng thị trường cao su thế giới. Cụ thể: cao su SVR3L tăng từ 33.800 đ/kg (26/10) lên 34.200 đ/kg (2/11); cao su SVR10 bất ngờ tăng lên mức 34.100 đ/kg trong tuần qua và hiện đã giảm xuống mức 33.800 đ/kg.

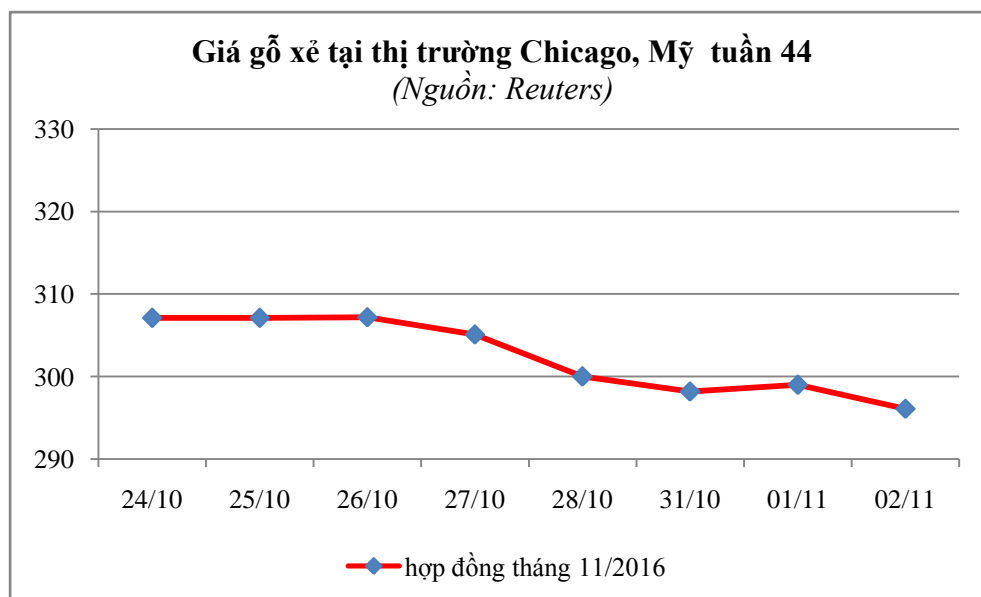
Hệ thống cung cấp giá tại địa phương ghi nhận giá mủ cao su dạng nước tại Bình Phước tuần qua tiếp tục xu hướng tăng, từ 9.120 đ/kg (26/10) lên 9.280 đ/kg (2/11) đối với mủ tạp 32 độ.



GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường thế giới: Thị trường gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tuần qua tiếp tục xu hướng giảm. Kết thúc phiên giao dịch 2/11, hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2016 giảm xuống mức 296,1 USD/tbf, giảm 2,9 USD so với giá đóng cửa phiên trước (1/11) là 299 USD/tbf, và giảm 3,9 USD so với phiên cuối tuần trước là 300 USD/tbf.



In-đô-nê-xia sẽ đối mặt với nhiều khó khăn để gia tăng thị phần xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang EU. Điều này rất quan trọng bởi quy mô ngành công nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ của In-đô-nê-xia có khả năng cung cấp giá trị gia tăng cho nguồn nguyên liệu gỗ.

Thị trường đồ gỗ nội thất đang chiếm lĩnh thị phần của ngành gỗ In-đô-nê-xia, với những vấn đề cạnh tranh lớn như chi phí lao động, hiệu quả xử lý, đổi mới và tiếp thị. Bên cạnh đó, In-đô-nê-xia còn phải đối mặt với các nhà sản xuất đồ gỗ nội thất tại thị trường EU, sản xuất đồ nội thất bằng gỗ tại thị trường nội địa EU chiếm tới 84% tổng số đồ nội thất cung cấp cho EU trong năm 2015.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ của In-đô-nê-xia vẫn đặt mục tiêu chiếm lĩnh thị phần trong lĩnh vực đồ nội thất bằng gỗ tại thị trường EU trong thời gian tới.

EU nhập khẩu đồ gỗ từ In-đô-nê-xia với trị giá đạt 316 triệu Eur trong năm 2015, tăng 7% so với năm 2014, tốc độ tăng trưởng trong năm 2015 từ In-đô-nê-xia chậm hơn so với mức tăng 19% trong năm 2014. EU nhập khẩu từ Việt Nam với trị giá đạt 725 triệu Eur, tăng 21,6%. Điều này cho thấy, In-đô-nê-xia đang phải đối mặt với sự cạnh tranh đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ từ thị trường Việt Nam.

Thị trường trong nước: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 9/2016 đạt 227,95 triệu USD, giảm 6,2% so với tháng 8/2016, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2015. Lũy kế đến hết tháng 9/2016, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Mỹ đạt 1,99 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2015.

GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của ngành gỗ Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này lên tới hơn 2 tỷ USD mỗi năm. Trong năm 2016, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của nước ta vẫn tăng trưởng và mở rộng thị phần xuất khẩu tại Mỹ, mặc dù tốc độ có chậm lại so với cùng kỳ năm ngoái. Kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm, chi tiêu tiêu dùng bị thắt chặt là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến xuất khẩu gỗ của Việt Nam sang Mỹ. Tuy nhiên, quý 3 là thời điểm khởi sắc của thị trường bất động sản Mỹ, sẽ là động lực hỗ trợ nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là mặt hàng đồ gỗ nội thất tăng trưởng mạnh trong những tháng cuối năm 2016.

Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đã có quyết định cuối cùng đối với vụ điều tra điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá với gỗ dán nhập khẩu từ một số nước trong đó có Việt Nam. Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Công Thương) đã nhận được thông tin này từ Thương vụ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Theo quyết định của Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ có 2 doanh nghiệp Việt Nam tham gia cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra nên không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá. Các doanh nghiệp khác tại Việt Nam bị áp dụng thuế chống bán phá giá với mức 240 USD/m³ (tương đương với mức thuế chống bán phá giá đã được Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng đối với hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp Trung Quốc).

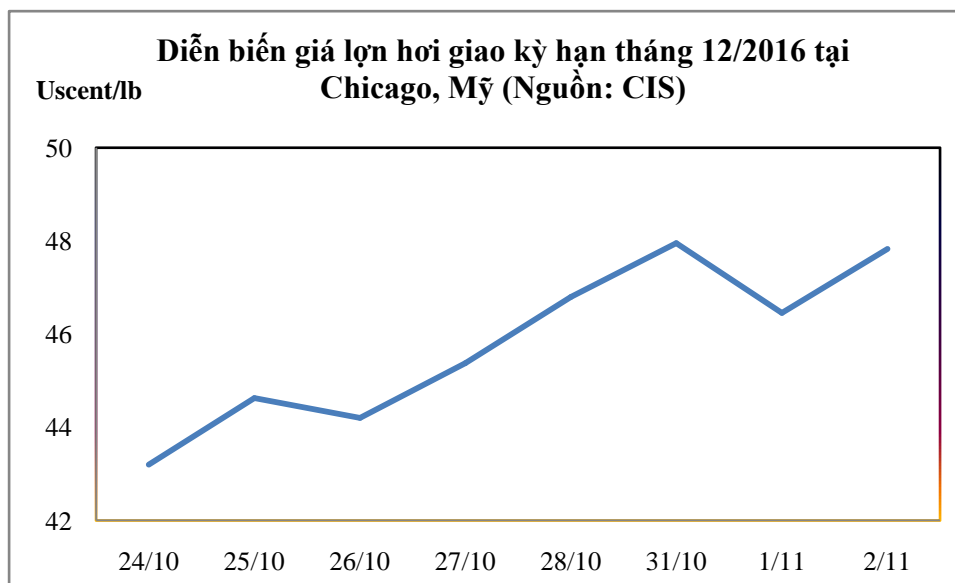
Quyết định này của Thổ Nhĩ Kỳ có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố 28/10/2016. Sản phẩm chịu thuế này có mã HS là 4412.10; 4412.31; 4412.32 và 4412.39.

N.L.A

THỊT

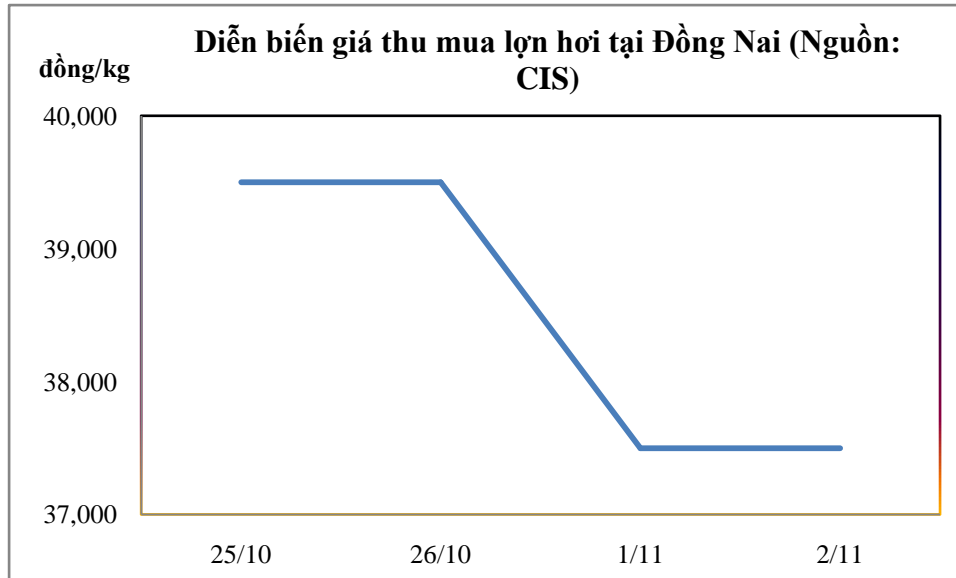


Thị trường thế giới: Giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 12/2016 tại thị trường Chicago, Mỹ, đang phục hồi nhờ sức mua từ các nhà bán lẻ tăng. Các nhà bán lẻ hiện đang tích cực thu mua hàng để phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ mùa lễ hội. Thêm vào đó, giá bán buôn thịt lợn tăng cũng là nguyên nhân đẩy giá lợn hơi tăng. Giá bán buôn thịt lợn hôm 1/11 đã tăng 1,32 USD/cwt so với ngày hôm trước, đạt 75,34 USD/cwt - mức cao nhất trong khoảng 1 tháng gần đây nhờ giá thịt bắp tăng mạnh. Giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 12/2016 hiện đạt 47,825 Uscent/lb, tăng 4,625 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch đầu tuần trước.



Theo nhận định của Rabobank trong báo cáo quý 4/2016, Trung Quốc sẽ tiếp tục chi phối giá thịt lợn toàn cầu trong quý 4/2016 và năm 2017, do thịt lợn nhập khẩu ngày càng trở thành một nguồn cung quan trọng cho thị trường Trung Quốc. Sản xuất thịt lợn của Trung Quốc dự báo sẽ giảm từ 5 – 6% trong năm 2016, lợn nặng cân hơn và năng suất tăng sẽ bù đắp phần nào sự suy giảm. Áp lực sản xuất sẽ kéo dài đến năm 2017 do số lượng con giống ở mức thấp. Tình hình này sẽ hỗ trợ cho một đợt tăng giá đến đầu năm 2017 và là cơ hội cho các nhà xuất khẩu thịt lợn trên thế giới.

Thị trường trong nước: Giá lợn hơi tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL hiện giảm khoảng 3.000 đ/kg so với cách nay hơn 2 tuần. Tại Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Vĩnh Long, Bến Tre... giá lợn hơi loại tốt chỉ còn ở mức 36.000-37.000 đ/kg - mức giá thấp nhất kể từ đầu năm 2016 đến nay. Như vậy, nếu so với thời điểm giá lợn hơi đạt mức tăng cao kỷ lục trong năm nay vào tháng 4/2016, giá lợn hơi đã giảm khoảng 15.000-16.000 đ/kg. Giá thu mua lợn hơi tại Đồng Nai cũng đã giảm 2.000 đ/kg so với tuần trước, hiện đạt 37.000 – 38.000 đ/kg.



Giá giảm bởi lượng heo tới lứa xuất bán tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL đang tăng, trong khi vận chuyển lợn từ ĐBSCL đem tiêu thụ tại miền Trung và các tỉnh phía Bắc gặp nhiều khó khăn do tình hình bão lũ ở miền Trung. Thêm vào đó, gần đây, thị trường Trung Quốc cũng giảm nhu cầu nhập khẩu lợn hơi từ Việt Nam, khiến giá lợn hơi trong nước giảm. Xuất bán lợn hơi với giá hiện tại khiến nhiều người chăn nuôi bị lỗ vốn nên nhiều hộ cố gắng "neo" lợn lại để chờ giá tăng.

Cùng chiều với lợn hơi, giá thu mua gà ta và gà công nghiệp cũng đang giảm nhẹ. Theo đó, giá thu mua gà ta tại Đồng Nai hiện đã giảm 1.000 – 2.000 đ/kg so với tuần trước, xuống mức 61.000 – 62.000 đ/kg.

Giá thu mua gà lông trắng tại các tỉnh phía Nam cũng đã giảm khoảng 500 – 1.000 đ/kg so với tuần trước do nguồn cung dồi dào, thịt nhập khẩu giá rẻ về nhiều. Theo đó, gà lông trắng tại Đông Nam Bộ đang có mức giá là 22.000 đ/kg; tại khu vực ĐBSCL là 21.500 đ/kg.

Tham khảo giá thu mua gà công nghiệp lông trắng tại trại ở các tỉnh phía Nam

ĐVT: đ/kg

Ngày	Đông Nam Bộ	ĐBSCL
25/10	22,500-23,000	22,000-22,500
1/11	22,000	21,500

(Nguồn: *channuoivietnam.com*)



Thị trường thế giới: Dữ liệu xuất khẩu từ Argentina cho thấy sự gia tăng đáng kể trong các lô hàng tôm đông lạnh đến Đông Nam Á và Guatemala, có khả năng để đáp ứng nhu cầu chế biến và tái xuất khẩu. Sự gia tăng mạnh trong kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc một phần là do nhu cầu từ các nhà chế biến để tái xuất khẩu, cũng như cho nhu cầu trong nước đang bùng nổ. Mùa tôm biển đông lạnh đã qua và mùa tôm nội đồng đông lạnh chỉ vừa mới bắt đầu, với sản lượng có khả năng tập trung vào tôm nguyên vỏ bỏ đầu (HLSO) để tái chế. Năm 2015, khoảng 75% khối lượng chế biến là tôm HLSO và khả năng sẽ tương tự trong năm nay. Chất lượng của tôm không phù hợp cho HOSO (nguyên vỏ còn đầu), có thể do tác động của El Nino. Theo một nhà chế biến, tôm HLSO có nhu cầu rất cao cho tái chế ở Guatemala, Peru, Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc do sản lượng tôm nuôi của các nước này bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, nhất là do hội chứng tử vong sớm (EMS). Theo số liệu xuất khẩu mới nhất, trong 8 tháng đầu năm 2016, Argentina xuất khẩu 22.109 tấn tôm sang Trung Quốc, tăng 163% so với cùng kỳ năm trước.

Giá cua huỳnh đế tại Vịnh Bristol đang ở mức kỷ lục, với giá 20 USD/pao, bằng với mức đỉnh điểm năm 2011. Theo các báo cáo sơ bộ từ các nhà đóng gói, giá cua huỳnh đế trung bình hiện tại ở Seattle là 20,1 USD/pao, với cỡ trên 900 gam thì giá cao hơn và cỡ dưới 900 gam giá thấp hơn. Ở Nhật Bản, giá cua huỳnh đế chào bán là 19,8 USD (giá C&F). Mức giá cao năm nay bằng với năm 2011, khi hạn ngạch được phép khai thác bị cắt giảm trong khi nhu cầu vẫn đang mạnh. Tuy nhiên năm nay, nhu cầu đối với cua huỳnh đế tăng mạnh hơn nữa đã đẩy giá lên cao. Trong năm 2011, hơn 40% tổng khối lượng các sản phẩm cua huỳnh đế xuất khẩu sang Nhật Bản, đây cũng là một lý do đẩy giá tăng nhanh. Trong 4 năm qua, tỷ trọng cua huỳnh đế xuất khẩu sang Nhật Bản dao động trong khoảng 33-35%. Trong năm 2011, đồng yên mạnh so với đồng USD, và mức giá 20 USD tại Mỹ tương đương với mức giá 3.850 JPY/kg tại Nhật Bản. Năm nay, tỷ giá USD/JPY đang ở mức 103, vì vậy mức giá 19,8 USD sẽ gần tương đương với 4.500 JPY/kg, đây là mức giá cao kỷ lục ở Nhật Bản. Do vậy, tỷ trọng nhập khẩu cua huỳnh đế từ Alaska tại Nhật Bản trong năm nay vẫn dao động trong phạm vi 30-35%. Hơn nữa, nhu cầu cua huỳnh đế từ Alaska tại thị trường Mỹ tăng cũng đẩy giá lên cao. Tổng khối lượng được phép đánh bắt (TAC) cho cua huỳnh đế năm nay là 8.469 triệu pao, giảm 15%, mức giá trung bình tăng 33% so với năm trước.

Theo tin từ Reuters, giá trung bình của cá hồi nuôi Na Uy dự kiến sẽ giảm 1- 2 NOK/kg trong tuần tới, xuống khoảng 63-65 NOK/kg sau 5 tuần tăng liên tục. Bệnh thiếu máu ở cá hồi nuôi khiến cá phải được thu hoạch sớm là một trong những lý do cho sự sụt giảm giá dự kiến. Ngoài ra, giá cao hiện nay góp phần làm thị trường đi xuống hơn. Từ đầu năm đến nay, giá cá hồi không ổn định, giá đạt mức kỷ lục trong tháng Bảy với trên 80 NOK/kg, do nguồn cung giảm trong khi nhu cầu tăng. Giá sau đó tiếp tục giảm xuống mức chỉ trên 50 NOK/kg trước khi tăng trở lại.

Thị trường trong nước: Do sắp hết hạn của đợt giao hàng cho dịp lễ Giáng Sinh và năm mới nên nhu cầu bắt cá đã tăng liên tục trong vòng 1-2 tuần qua, tuy nhiên đầu tuần này sức mua đã chậm lại và giá tạm chững, giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL hiện còn 21.500-22.500 đ/kg loại cá dưới 1kg/con bán tại ao, giảm nhẹ so với mức giá đạt được hồi đầu tháng.

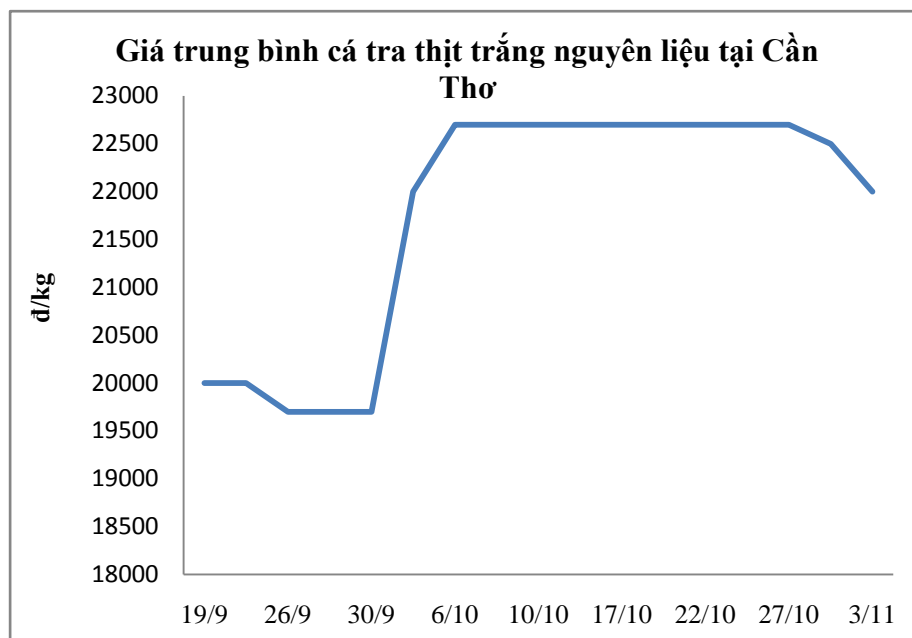
THỦY SẢN



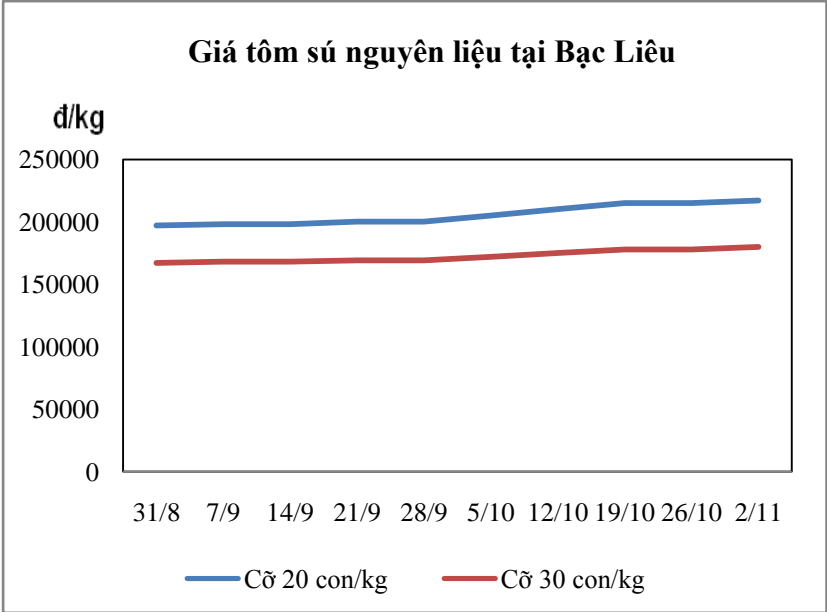
Giá cá tra nguyên liệu tăng nhẹ vào đầu tháng do các doanh nghiệp thu mua để chế biến cung cấp theo các hợp đồng tiêu thụ dịp Noel, Tết dương lịch ở một số thị trường Âu - Mỹ và xuất bán qua Trung Quốc tăng.

Sau khi đã đủ lượng cung cấp theo hợp đồng, các doanh nghiệp giảm thu mua khiến giá cá tra nguyên liệu có chiều hướng giảm lại, kéo giá cá tra giảm theo.

Theo khuyến cáo của cơ quan chức năng, việc nông dân chạy đua nuôi cá tra khi giá cá tăng là rất rủi ro, do sản lượng cá tự nuôi của các doanh nghiệp chiếm khoảng 80% nhu cầu chế biến xuất khẩu.



Giá tôm nguyên liệu tuần này nhích nhẹ so với tuần trước, nguồn cung không nhiều. Tại Bạc Liêu, tôm sú nguyên liệu cỡ 30 con/kg tăng 2.000 đ/kg lên mức 217.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng 2.000 đ/kg lên 180.000 đ/kg. Tôm thẻ cỡ 50 con/kg tăng 1.000 đ/kg lên 134.000 đ/kg, tôm thẻ cỡ 60 con/kg tăng 1.000 đ/kg lên 130.000 đ/kg. Tại Kiên Giang, giá tôm sú loại 30 con/kg ổn định ở mức 195.000 đ/kg.



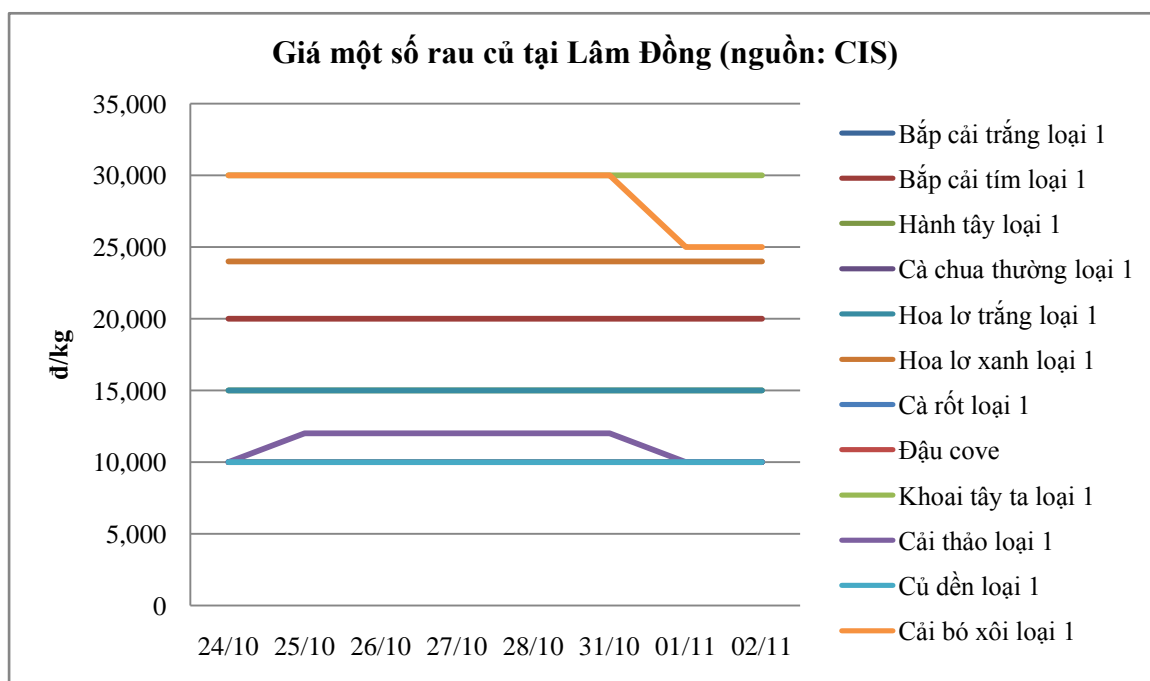
RAU QUẢ



Thị trường trong nước: Hiện giá bán sầu riêng đang ở mức cao nhưng việc thu mua cũng gặp nhiều khó khăn vì không nhiều nhà vườn có sầu riêng để bán. Tại tỉnh Tiền Giang, trái sầu riêng hiện được thương lái thu mua giá cao từ 75.000 - 80.000 đ/kg, tăng khoảng 30.000 đ/kg so với tháng trước. Mặc dù giá tăng nhưng các nhà vườn vẫn không đủ sản lượng để cung ứng. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của hạn mặn làm cho sầu riêng suy kiệt, năng suất giảm. Nhiều nhà vườn áp dụng các biện pháp xử lý cho ra hoa nghịch vụ không đạt kết quả trong khi nhu cầu xuất khẩu trái sầu riêng đang ở mức cao.

Nhiều nhà vườn tại Nam bộ và Tây nguyên cho biết giá chuối bán ra tại vườn hiện tăng cao gấp đôi so với mọi năm, dao động ở mức 11.000-15.000 đ/kg chuối sứ, 14.000-15.000 đ/kg chuối laba và 7.000-9.000 đ/kg chuối già hương, già lùn. Nguyên nhân giá chuối tăng liên tục từ tháng 4 đến nay là do Trung Quốc đang gom mua, chưa kể thị trường Nhật Bản cũng có nhu cầu nhập khẩu lượng lớn chuối, trong khi sản lượng chuối giảm mạnh vì nhiều nhà vườn đã chặt bỏ chuối bởi giá giảm những năm trước. Dự báo giá chuối đứng ở mức cao trong những tháng cuối năm do nhu cầu chuối chế biến phục vụ tết.

Tuần qua, thị trường rau xanh tại Đà Lạt vẫn chưa có dấu hiệu suy giảm, vẫn duy trì ở mức cao của tuần trước. Nguyên nhân chính vẫn là trận mưa lớn diễn ra tại các tỉnh phía Trung và Tây Nguyên khiến sản lượng giảm trong khi nhu cầu lại tăng cao.



Tình hình xuất nhập khẩu: Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, những năm gần đây, xuất khẩu chuối của Việt Nam bắt ngờ tăng mạnh. Thay vì chỉ phụ thuộc thị trường chính là Trung Quốc, hàng loạt đơn đặt hàng nhập khẩu chuối đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước EU, Nga... tới tập đến với các doanh nghiệp xuất khẩu chuối, có những thời điểm lên đến hàng trăm tấn chuối/ngày.

RAU QUẢ



Theo các chuyên gia, thị trường Nhật Bản đang có nhu cầu cao đối với mặt hàng chuối nhập khẩu, với sức tiêu thụ xấp xỉ 1 triệu tấn/năm. Đặc biệt, nếu thâm nhập được vào thị trường Nhật Bản - quốc gia có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm nhập khẩu, trái chuối sẽ có cơ hội thâm nhập được nhiều quốc gia khác.

Do đó, điều quan trọng hàng đầu để tăng cường xuất khẩu chuối là phải quy hoạch các vùng trồng chuối tập trung đủ lớn; đầu tư công nghệ xử lý, bảo quản sau thu hoạch... để nâng cao chất lượng trái chuối. Bên cạnh đó, đầu tư công nghệ để tăng năng suất vì hiện năng suất chuối của Việt Nam chỉ đạt 16,8 tấn/ha, bằng 80% năng suất bình quân của thế giới. Ngoài ra, là quốc gia đi sau trong việc xuất khẩu chuối, muốn phát triển nhanh, Chính phủ phải tạo động lực đủ mạnh cho doanh nghiệp, từ khuyến khích, hỗ trợ giống chuối, đến ưu đãi đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng... Đặc biệt, chú trọng bao gói mẫu mã hấp dẫn, bắt mắt hơn để trái chuối có thể chinh phục nhanh nhất người tiêu dùng.

CDH

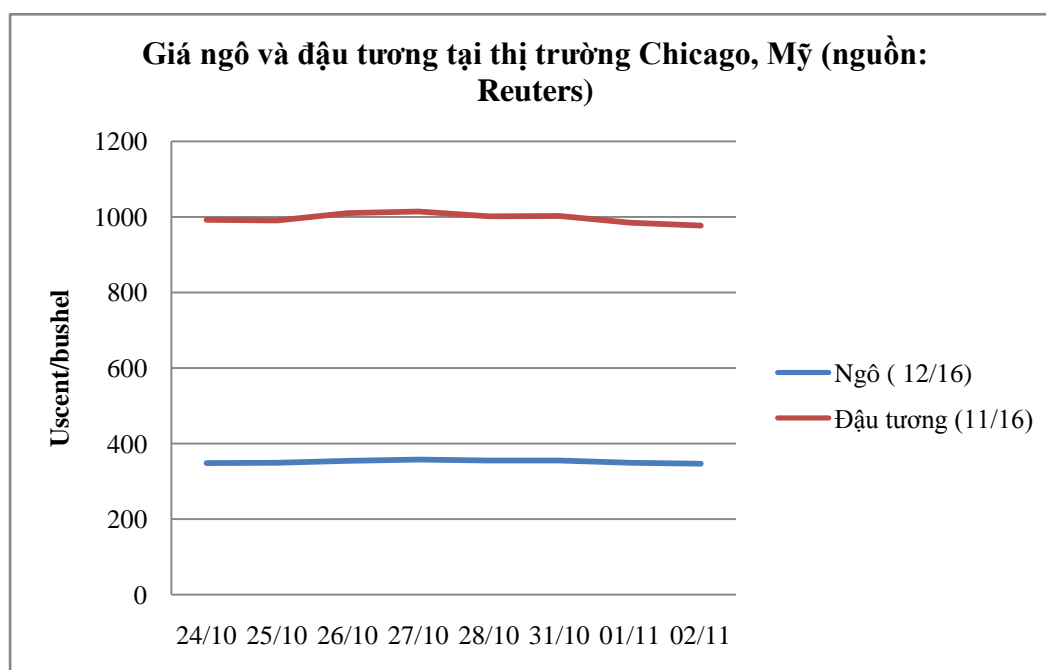
THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Thị trường thế giới: Tuần qua tại thị trường kỳ hạn Chicago, Mỹ cả 2 mặt hàng ngô và đậu tương đều có xu hướng giảm với mức giảm là 1%. Cụ thể, mức giá bình quân tuần của mặt hàng ngô đã giảm từ mức giá 352,8 Uscent/bushel xuống còn 350 Uscent/bushel. Đồng thời mặt hàng đậu tương cũng giảm từ mức bình quân 1001 UScent/bushel xuống còn 987 UScent/bushel. Nguyên nhân chính vẫn là do kỳ vọng năng suất cây trồng gia tăng trong báo cáo của Bộ nông nghiệp Mỹ (USDA) vào tuần tới. Về xuất khẩu, USDA cho biết, doanh số xuất khẩu đạt 2,5 triệu tấn đậu tương Mỹ và 1,47 triệu tấn ngô.

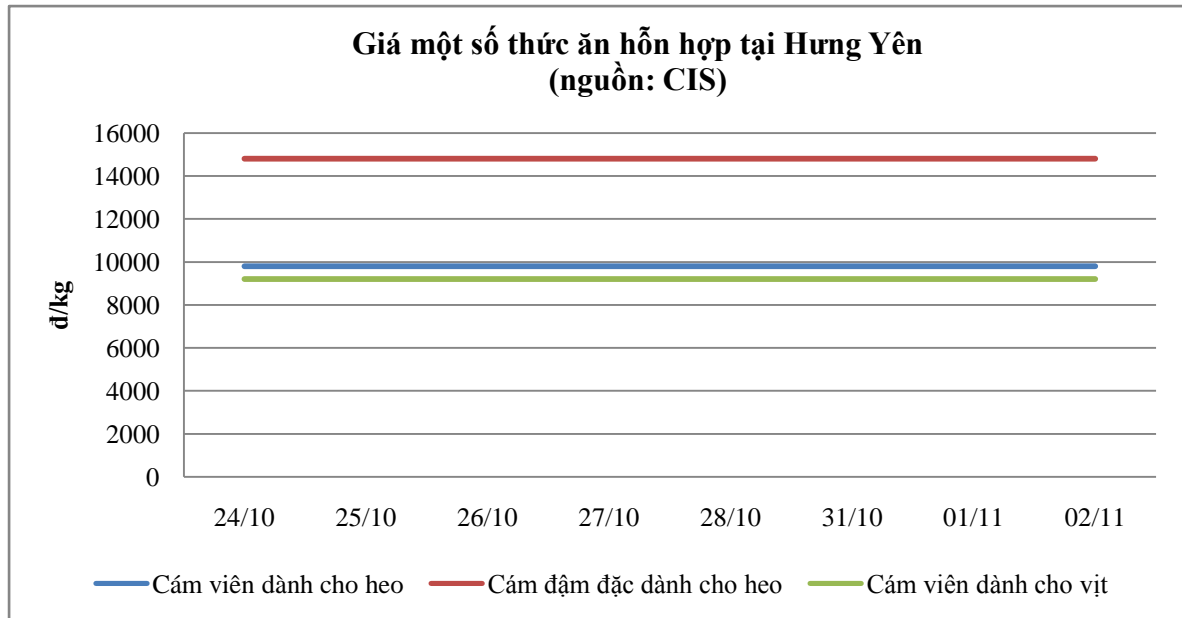
Theo Informa Economics, doanh nghiệp phân tích tư nhân nâng ước tính năng suất đậu tương Mỹ lên 52,4 bushel/acre, so với 51,6 bushel/acre tháng trước đó.

Doanh số xuất khẩu lúa mì đạt 234.900 tấn, giảm so với kỳ vọng và chạm mức thấp nhất trong năm marketing bắt đầu ngày 1/6. Giá lúa mì đối mặt với áp lực từ nguồn cung toàn cầu dồi dào, và có thể chịu áp lực bởi động thái của Ai Cập, sẽ thả nổi đồng bảng của nước này, điều có nghĩa là tiền tệ suy yếu hơn và chi phí đối với các nhà nhập khẩu tại khách hàng mua ngũ cốc hàng đầu thế giới tăng cao.



Thị trường trong nước: Giá thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu trong nước trong tuần qua tương đối ổn định. Theo hệ thống giá tại địa phương, giá thức ăn chăn nuôi hỗn hợp tại tỉnh Hưng Yên vẫn giữ ở mức ổn định của tuần trước. Cụ thể, giá cám viên dành cho heo ổn định ở mức giá 9.800đ/kg; giá cám đậm đặc dành cho heo có giá là 14.700đ/kg và giá cám viên dành cho vịt vẫn ở mức giá là 9.200đ/kg

THỨC ĂN CHĂN NUÔI

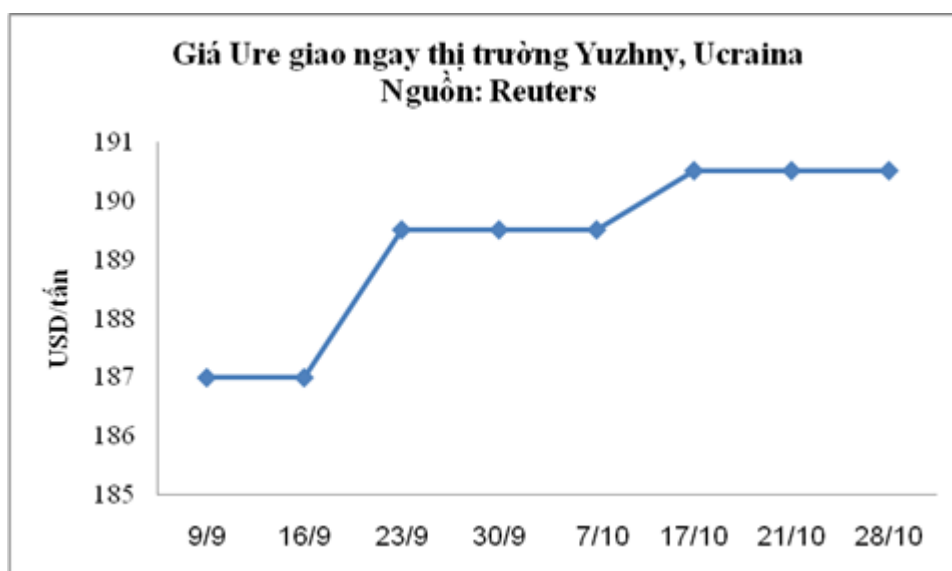


CDH

PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Thị trường Ure thế giới tiếp tục xu hướng vững giá trong tuần qua nhờ nhu cầu cao từ Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Mỹ và châu Âu. Tại thị trường Yuzhnyy, trong tháng 10, giá Ure tăng từ 190 USD/tấn lên 195 USD/tấn. Giá Ure dạng hạt của Ai Cập giá FOB hiện đang dao động từ 204-215 USD/tấn, tăng so với mức 192-197/USD/tấn cuối tháng 9/2016. Tại Trung Quốc, giá than tăng cao cũng đẩy giá Ure tăng lên mức 215-220 USD/tấn, tăng so với mức giá 195-198 USD/tấn hồi đầu tháng 10/2016. Dự báo, người mua Ấn Độ sẽ sớm đặt hàng Ure Trung Quốc. Giá Ure tại thị trường NOLA (New Orleans, Louisiana) cũng tăng trong thời gian qua, hiện dao động ở mức 198 – 202 USD/tấn, tăng so với mức giá 181-188 USD/tấn cuối tháng 9/2016. Giá Ure giao tháng 12/2016 hiện đang ở mức 206 – 210 USD/tấn. Trong ngắn hạn, triển vọng giá Ure thế giới tiếp tục vững.



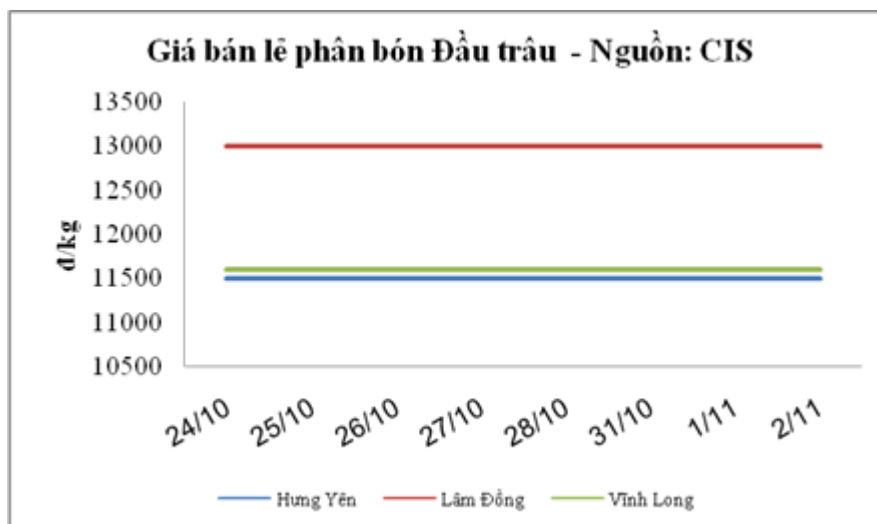
Đối với mặt hàng DAP, do các nước châu Á và Mỹ La tinh hiện đã hết vụ mùa chăm bón, nhu cầu thấp tiếp tục tạo sức ép lên giá mặt hàng này. Mặc dù một số nhà sản xuất đã có động thái cắt giảm sản lượng DAP trong những tháng tới, thị trường DAP thế giới tiếp tục trầm lắng. Giá DAP Maroc hiện dao động ở mức 332 – 341 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với tháng 9/2016. Giá DAP thị trường NOLA hiện đang ở mức 304-305 USD/tấn, giảm so với mức 315 – 317 USD/tấn. Giá DAP Trung Quốc giảm thời gian vừa qua khiến Pakistan và Ấn Độ tăng cường mua DAP. Tuy nhiên, dự báo giá DAP vẫn tiếp tục giảm do nhu cầu thế giới đang ở mức thấp. Nếu nhu cầu DAP của châu Âu, châu Á hoặc Mỹ không phục hồi và không có các biện pháp kiểm soát nguồn cung DAP tăng thêm, giá DAP sẽ không thể khởi sắc.

Thị trường trong nước: Tuần qua, tại miền Bắc, giá các loại phân bón ở mức khá ổn định do nhu cầu ở mức thấp và lượng hàng tồn kho tại khu vực vẫn tương đối lớn. Đối với phân Ure: Trung Quốc hạt trong 5.600 – 5.650 đ/kg, hạt đục Cà Mau 6.500 – 6.550 đ/kg, Phú Mỹ 6.300 – 6.350 đ/kg, Hà Bắc 6.100 – 6.200 đ/kg, Ninh Bình 6.000 – 6.050 đ/kg, hạt trong Indonesia 5.300 – 5.350 đ/kg. Phân kali Israel 7.350 – 7.400 đ/kg, Kali Phú Mỹ 6.900 – 7.000 đ/kg, Kali Lào 5.700 – 5.750 đ/kg, Supe Lân Lâm Thao 2.600 – 2.650 đ/kg.

PHÂN BÓN



Tại khu vực miền Đông Nam Bộ, giá phân bón vẫn duy trì mức thấp. Tại Tiền Giang, phân Ure Phú Mỹ có giá 290.000 đ/bao, Ure Cà Mau có giá 280.000 đ/bao, NPK có giá dao động từ 470.000 - 480.000 đ/bao, Đầu Trâu từ 590.000 - 620.000 đ/bao...



Theo Cục Quản lý cạnh tranh, Bộ Công Thương, lượng nhập khẩu phân ure và phân DAP thời gian qua có dấu hiệu tăng đột biến. Cụ thể, lượng nhập khẩu phân ure trong 9 tháng đầu năm 2016 đạt 443.000 tấn, trị giá 103 triệu USD, tăng 60% về lượng và 16% về trị giá so với cùng kỳ năm 2015.

Hiện trong nước có 4 doanh nghiệp sản xuất phân ure gồm: 2 doanh nghiệp sản xuất từ khí thuộc Vinachem là Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau với công suất mỗi doanh nghiệp là 800.000 tấn/năm; Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc công suất 480.000 tấn/năm, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình là 560.000 tấn/năm. Đối với 2 công ty sản xuất ure từ khí, do giá bán (5.600 đồng/kg) vẫn lớn hơn giá sản xuất (4.500-4.800 đồng/kg) nên 2 doanh nghiệp này vẫn có lãi, song tỷ suất lợi nhuận đang giảm dần. Đối với 2 công ty sản xuất phân ure từ than, giá thành sản xuất cao (Đạm Ninh Bình khoảng 10.000 đồng/kg, Đạm Hà Bắc khoảng 7.600 đồng/kg) nên 2 doanh nghiệp này đã phải chịu thiệt hại nặng nề khi không cạnh tranh được với hàng nhập khẩu. Đạm Ninh Bình hiện đã dừng sản xuất, còn Đạm Hà Bắc cũng phải tạm ngưng sản xuất trong tháng 8, 9 do tồn kho cao. Dự kiến, lượng sản xuất của Đạm Hà Bắc cả năm 2016 là hơn 230.000 tấn, đạt gần 50% công suất thiết kế.

HNN



NÔNG SẢN VIỆT NAM SẼ RA SAO TRƯỚC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ASEAN – TRUNG QUỐC

Chính phủ vừa công bố danh sách các mặt hàng sẽ được hưởng thuế ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN - Trung Quốc (ACFTA). Việt Nam là thành viên ACFTA cùng với Trung Quốc, Phi-lip-pin, Thái Lan, Sing-ga-po, My-an-ma, Ma-lai-xia, Lào, In-đô-nê-xia, Cam-pu-chia, Brunei.

Theo cam kết khi tham gia ACFTA, Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế quan của 90% số dòng thuế trong vòng 10 năm, linh hoạt đến lộ trình cuối cùng vào năm 2018. Đối với số dòng thuế còn lại, Việt Nam cam kết cắt giảm về từ 5% đến 50% vào cuối lộ trình là năm 2020.

Trong khi đó, Trung Quốc cam kết xóa bỏ thuế quan đối với 95% số dòng thuế vào năm 2011. Số dòng thuế nhạy cảm còn lại, Trung Quốc cam kết cắt giảm về 5% đến 50% vào cuối lộ trình là năm 2018.

Để được hưởng ưu đãi thuế đặc biệt, hàng hoá của các nước phải có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) được Bộ Công Thương quy định. Theo đó, hàng nghìn mặt hàng có xuất xứ từ các nước thuộc ACFTA sẽ được áp dụng mức thuế 0% khi xuất khẩu vào Việt Nam và ngược lại.

Các sản phẩm nông nghiệp trong danh sách được xóa bỏ thuế và giảm thuế theo cam kết ACFTA bao gồm:

- Các loại động vật sống như trâu, bò, lợn, ngựa sống, cừu, dê, các loại gà, vịt, ngan, ngỗng... dùng để nhân giống.

- Các loại thịt trâu, bò, thịt lợn, cá các loại (trừ cá phi lê) và nhiều loại thủy hải sản khác như tôm, cua, ghẹ,... đông lạnh đều được xóa bỏ thuế.

- Các sản phẩm bơ sữa, trứng gia cầm, mật ong; các loại ngà, mai, sừng, móng vuốt, san hô, côn trùng cánh cứng.

- Các mặt hàng rau, củ bao gồm khoai tây, rau củ, cà chua, hành tây, tỏi, tỏi tây, bắp cải, súp lơ, su hào, cải xoăn, rau xà lách, cà rốt, củ cải, rau đậu, măng tây, cà tím, cần tây, nấm, ớt, rau chân vịt, quả bí, ngô, dư chuột, sắn thái lát, khoai lang.

- Cây ăn quả gồm có quả hạnh nhân, dứa, quả óc chó, quả hồ trăn, hạt maccadamia, chuối, quả chà là, dứa, bơ, ôi, xoài, măng cụt, cam, quýt, chanh, bưởi, dưa hấu, táo, lê, quả mọng qua, mơ, đào, anh đào, mận, mâm xôi, dâu tây, sầu riêng, hồng vàng, việt quất, nhãn, vải, chôm chôm, chôm chôm, mít, me...



- Các mặt hàng nông sản như cà phê, chè, gia vị, gừng, nghệ tây, ngô (trừ loại dùng để rang nổ áp thuế 5%), lúa gạo, gạo lứt (trừ gạo Thai Hom Mali áp thuế 20%), bột mì, ngũ cốc khác... cũng đều được áp thuế 0%.

- Dầu ăn từ lạc và dầu cọ, hạt hướng dương, dầu dừa, các loại bánh, chế phẩm từ rau quả. Các loại đồ uống, rượu, nước có ga (trừ bia, rượu vang, rượu lên men áp thuế 5%), thức ăn chăn nuôi dùng cho gia cầm, lợn được áp thuế 5%, đến năm 2018 về 0%.

Tăng áp lực cạnh tranh

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu (NK) hàng hoá từ Trung Quốc 9 tháng năm nay đạt 35,9 tỷ USD. Nhập siêu từ Trung Quốc lên đến 21,3 tỷ USD. Phân tích từ thống kê các mặt hàng Trung Quốc NK từ Việt Nam cho thấy, doanh nghiệp (DN) trong nước nhập 45,3 triệu USD hàng thủy sản, 146,9 triệu USD rau quả. Đặc biệt, nhiều mặt hàng Việt Nam tồn cả tỷ USD NK từ thị trường này như vải các loại, nguyên phụ liệu dệt may, sắt thép, máy vi tính, điện thoại các loại, dây điện và dây cáp điện, rau quả, thức ăn gia súc, bánh kẹo, dầu mỡ động vật...

Trong số này, có rất nhiều mặt hàng nằm trong biểu thuế ưu đãi và được áp thuế 0% theo ACFTA. Như vậy, với việc giảm thuế và xoá bỏ nhiều dòng thuế, dự báo kim ngạch thương mại Việt Nam - Trung Quốc, ASEAN - Trung Quốc sẽ tăng mạnh.

Đối với nhóm hàng thủy sản, Trung Quốc hiện đã vượt EU trở thành thị trường xuất khẩu (XK) cá tra lớn thứ 2 của Việt Nam. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep), tính đến hết tháng 9/2016, tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc – Hồng Kông đạt 201,9 triệu USD, tăng 75,6% so với cùng kỳ năm trước. Cho dù đã đưa ra nhiều khuyến cáo về việc thận trọng khi tăng XK sản phẩm cá tra sang thị trường Trung Quốc, nhưng trong nhiều tháng gần đây, XK cá tra sang thị trường này vẫn tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên, hoạt động XK ô ạt này dự báo sẽ “hạ nhiệt” trong vài tháng tới do nhu cầu NK thực tế tại Trung Quốc không lớn, hàng tồn kho nhiều. DN XK cá tra cần cân nhắc và thận trọng hơn với giá trị XK “ảo” tại thị trường này.

Vài năm gần đây, một số DN Trung Quốc còn đưa sản phẩm giá rẻ sang Việt Nam để cạnh tranh như cá rô phi, thủy sản chế biến... Khả năng cạnh tranh của mặt hàng thủy sản sẽ tăng mạnh khi thuế suất giảm về 0%.

Đối với nhóm hàng rau quả, chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan khẳng định, một khi hàng rau củ quả và hàng hóa Trung Quốc được hưởng thuế 0%, sức ép sẽ là cực lớn đối với ngành nông nghiệp Việt Nam. Sự cạnh tranh về giá của Trung Quốc đang hiện hữu ở nhiều địa phương của Việt Nam, dễ dàng nhận ra rau củ quả và nông sản của Trung Quốc hiện diện trên đường phố, chợ vỉa hè, chợ nông thôn Việt Nam. Nhưng điều đáng nói ở đây, giá rẻ nhưng lại không đi cùng với chất lượng và ẩn chứa nhiều rủi ro về an toàn sức khỏe người tiêu dùng.



Các mặt hàng này được nhập khẩu nhiều hình thức: chính ngạch (qua doanh nghiệp, có hóa đơn chứng từ, có C/O); nhập khẩu diện tiểu ngạch và cả nhập lậu. Điều này đang gây áp lực lớn đối với ngành nông nghiệp Việt Nam, nhất là trồng trọt và chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi hộ gia đình.

Bên cạnh đó, nhiều DN cho rằng hàng rào kỹ thuật Việt Nam dựng lên đối với nông sản nhập khẩu không những ít mà còn thiếu chặt chẽ trong kiểm soát. Ngày càng phổ biến hàng không rõ nguồn gốc, tình trạng xoay vòng chứng từ nhập khẩu để đưa hàng vào các chợ đầu mối khiến hàng nội bị đẩy vào thế cạnh tranh không lành mạnh.

Vào sân chơi chung, chúng ta không thể ngăn hàng Trung Quốc vào Việt Nam. Tuy nhiên phải có biện pháp tự vệ bằng các hàng rào an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định, quy chuẩn. Các nước đều hàng rào để ngăn hàng hóa phẩm cấp thấp, hàng bán phá giá, ô nhiễm. Đừng mở cửa một cách không kiểm soát cho hàng nước ngoài, còn hàng trong nước lại bóp chặt, kìm hãm ép cho không có đất sống được.

Thời gian qua, Việt Nam liên tục nhập siêu từ các nước ASEAN. Theo số liệu 9 tháng đầu năm của Tổng cục Thống kê, Việt Nam nhập khẩu tới 17,1 tỉ USD từ khu vực này. Trong khi đó, xuất khẩu dù được kỳ vọng sẽ tăng mạnh khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN hình thành nhưng kim ngạch chỉ đạt 12,5 tỉ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Nhập siêu của Việt Nam từ khu vực này lên tới 4,6 tỉ USD. Như vậy, khi thuế suất nhập khẩu còn 0%, hàng hóa từ khu vực này sẽ tăng lợi thế khi vào Việt Nam.

Tình trạng nhập siêu cũng xảy ra đối với Trung Quốc. 9 tháng đầu năm 2016, Việt Nam chỉ 36 tỷ USD nhập hàng từ Trung Quốc, trong đó tỷ lệ nhập siêu là 21,3 tỷ USD (gần 60%), trong đó, nhập khẩu thủy sản từ Trung Quốc là 45 triệu USD, rau củ quả là 146 triệu USD, thức ăn gia súc và nguyên liệu 211 triệu USD...

N.L.A

Tài liệu tham khảo:

- Báo Công Thương;
- Kinhtenongthon.vn;
- Tintucnongnghiep.com;
- Vinanet.com.vn;
- Tổng Cục Hải quan;
- Báo Điện tử Chính phủ.

THỎ NHĨ KỲ ÁP THUẾ CAO GỖ DÁN TỪ VIỆT NAM

Từ ngày 28-10-2016, gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ chịu thuế chống bán phá giá 240 đô la Mỹ/m³ sau khi Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ ra quyết định cuối cùng đối với vụ điều tra việc chuyển tải gỗ dán Trung Quốc sang một số nước, trong đó có Việt Nam, để lẩn tránh thuế chống bán phá giá.

Theo Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Công Thương) hôm 31-10, trang Công báo của Thổ Nhĩ Kỳ số 29871 hôm 28-10 đăng tải thông báo số 2016/45 của Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ về quyết định cuối cùng đối với vụ điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá với gỗ dán nhập khẩu từ một số nước, trong đó có Việt Nam.

Theo quyết định của Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ có hai doanh nghiệp Việt Nam tham gia cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra nên không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá.

Các doanh nghiệp khác tại Việt Nam bị áp dụng thuế chống bán phá giá với mức 240 đô la Mỹ/m³ (tương đương với mức thuế chống bán phá giá đã được Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng đối với hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp Trung Quốc).

Cục Quản lý cạnh tranh cho biết, quyết định này của Thổ Nhĩ Kỳ có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố. Sản phẩm chịu thuế này có mã HS là 4412.10; 4412.31; 4412.32 và 4412.39.



Nguồn: Báo Công thương

THAY ĐỔI MẪU CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VÀO EU

Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad), Bộ NN&PTNT vừa chính thức phát đi hướng dẫn mẫu chứng thư mới cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU.

Theo Nafiqad, ngày 28-4, Cơ quan thẩm quyền EU đã ban hành quy định số 2016/759 liên quan tới việc nhập khẩu một số sản phẩm trong đó có đùi ếch, ốc, gelatine, collagen, glucosamine, nội dung chủ yếu thay thế các chứng thư tương ứng đã được ban hành kèm theo quy định số 2074/2005 ngày 5-12-2005 và các văn bản sửa đổi, có thời gian chuyển tiếp đến hết ngày 2-12-2016.

Các nội dung chính thay đổi trong các mẫu chứng thư mới bao gồm: Bỏ thông tin mã bưu điện (Postal code) tại mục Chủ hàng (Consignor); thay đổi cách thể hiện thông tin liên quan tới phương pháp chế biến là tươi (fresh) và đã được xử lý (treated) thay cho các phương pháp nêu trên chứng thư trước đây là ướp đá (chilled), đông lạnh (frozen) và chế biến (processed).

Cụ thể, về việc xuất khẩu Glucosamine dùng làm thực phẩm vào thị trường EU: Các cơ sở chế biến Glucosamine từ thủy sản để xuất khẩu vào thị trường EU phải áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP theo quy định EU số 852/2004 và tuân thủ đầy đủ các quy định về vệ sinh tại phụ lục II quy định EU số 852/2004 và quy định tại Phần XVI, phụ lục 3 quy định EU số 853/2004 (Phần XVI, phụ lục 3 được bổ sung bởi quy định EU số 2016/355 ngày 11-3-2016) như đối với thủy sản chung. Các cơ sở chế biến Glucosamine từ thủy sản xuất khẩu vào EU không cần lập danh sách riêng mà chỉ cần có tên trong danh sách thủy sản chung.

Đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào EU để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen: Ngày 7-12-2015, Nafiqad đã lập danh sách các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản vào EU để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen đồng thời đề nghị Cơ quan thẩm quyền EU đưa các doanh nghiệp này vào danh sách các cơ sở được phép xuất khẩu thủy sản vào thị trường này để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen tại văn bản 3035/QLCL-CL1 ngày 7-12-2015 và văn bản số 1356/QLCL-CL1 ngày 1-7-2016.

Tuy nhiên ngày 16-9-2016, Cơ quan thẩm quyền EU đã có thông báo: Những cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen chỉ cần có tên trong danh sách thủy sản chung mà không cần phải lập thành danh sách riêng.

Đối với sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản: Các cơ sở chế biến Gelatine/Collagen từ nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU phải có tên trong danh sách riêng về các cơ sở được phép xuất khẩu sản phẩm này vào EU do Cơ quan thẩm quyền EU phê duyệt và công bố trên trang tin điện tử của EU.

Ngoài ra, các cơ sở chế biến Gelatine/Collagen từ nguyên liệu thủy sản phải áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP theo quy định EU số 852/2004 và đáp ứng các quy định tại phụ lục III, Chương I, Chương II, Chương III và Chương IV Phần XIV, Phần XV Quy định EU số 853/2004.

Ông Ngô Hồng Phong, Phó Cục trưởng Nafiqad cho biết: Để thực hiện các yêu cầu tại quy định số 2016/759 của Cơ quan thẩm quyền EU, tránh các vướng mắc trong quá trình xuất khẩu thủy sản vào thị trường này, Nafiqad yêu cầu các cơ sở chế biến đù ếch, ốc, glucosamine và nguyên liệu để sản xuất Gelatine/Collagen: Cập nhật các quy định về điều kiện bảo đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm tương ứng để tuân thủ đúng khi xuất khẩu sản phẩm vào thị trường EU.

Nghiên cứu kỹ các mẫu chứng thư mới và cung cấp đầy đủ các thông tin về lô hàng khi đăng ký kiểm tra, chứng nhận xuất khẩu vào thị trường EU; chủ động liên hệ với nhà nhập khẩu EU để cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục có liên quan khi xuất khẩu các sản phẩm nêu trên có nguồn gốc từ thủy sản vào thị trường này.

Đối với các cơ sở chế biến sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản có nhu cầu xuất khẩu vào EU, yêu cầu đặt ra là nghiên cứu kỹ các quy định của EU liên quan tới việc sản xuất xuất khẩu sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản vào thị trường này; thực hiện đăng ký để được kiểm tra, chứng nhận điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản theo quy định tại Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12-11-2013.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen (TS 803) đã được Nafiqad kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong chế biến sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản vào ngày 1-2-2016, Nafiqad đã có văn bản gửi Cơ quan thẩm quyền EU đề nghị đưa doanh nghiệp vào danh sách được phép xuất khẩu sản phẩm Gelatine/Collagen vào thị trường này và sẽ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp khi nhận được trả lời từ EU.

Nguồn: baohaiquan.vn

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Trong nước										
Cà phê nhân xô vôi	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	44200	44500	44800	44800	44700	45000	44900	44500
Cà phê nhân xô vôi	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	43500	44000	44500	44500	44300	44500	44500	44000
Thế giới										
Cà phê Robusta (11/16)	London - Anh	USD /tấn	2132	2153	2154	2170	2188	2229	2206	2214
cà phê Arabica (12/16)	Mỹ	Uscent /lb	157.9	164.5	163.7	164.8	165.5	164.15	161.45	162.9

CAO SU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Trong nước										
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Bình Phước- Phước Long	đ/kg	9120		9120		9120	9120		9280
Thế giới										
cao su RSS3 (10/16)	TOCOM- Nhật Bản	Yên/kg	170	176.9		178.8	180.6	180.3	180.5	178.3
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	60.1	61.1	60.65	61.65	61.9	62.25		
SIR20 BELAWAN NN (11/16)	Indonesia	Uscent /kg	162.5	164	164.5	165.5	167	167.5		

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Đường trắng (12/16)	London - Anh	USD /tấn	605.5	596.4	595.7	596.8	589.5	579.4	567.2	574

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000
Gà trống ta hơi	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000
Lợn hơi	Vĩnh Long - Chợ Vũng Liêm	đ/kg	41500		41500		41500	41500		41500
Lợn hơi	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	39000	39000	39000	39000	39000	39000	39000	39000
Thế giới										
Lợn hơi (12/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	43.2	44.625	44.2	45.375	46.8	47.95	46.45	47.825

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hung Yên - Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800		9800	9800		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hung Yên - Yên Mỹ	đ/kg	14800		14800		14800	14800		14800
Thế giới										
Ngô (12/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	348.25	349.25	354	357.5	355	354.75	349	346.25
Đậu tương (11/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	992	990.75	1010	1014.3	1001.3	1002.3	984.25	976.75

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		100000	100000	100000			100000	100000
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		180000	180000	180000			180000	180000
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		130000	130000	130000			130000	130000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		13000	13000	13000			13000	13000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg		8000	8000	8000			8000	8000
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	3500	3500	3500	3500	3500	3500	3500	3500
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg							3.84	

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Gỗ xẻ (11/16)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	307.1	307.1	307.2	305.1	300	298.2	299	296.1

PHÂN BÓN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Trong nước										
Phân Đầu trâu L1	Hung Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng	đ/kg	11500		11500		11500	11500		11500
NPK cò pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	13000	13000	13000	13000	13000	13000	13000	13000
NPK 20-20-15-TE	Vĩnh Long- Bình Minh	đ/bao 50kg	580000		580000		580000	580000		580000
Thế giới										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn					190.5			

QUẢ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	đ/kg	42000	42000	42000	42000	42000	42000	42000	42000
Xoài Cát Chu	Tiền Giang	đ/kg	22000	19000	17000	16000	15000	16000	16000	15000
Dưa hấu loại 1	Tiền Giang	đ/kg	7500	7500	7500	7500	8000	8000	8000	8000
Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	đ/kg	17000	16000	16000	28000	30000	32000	35000	36000
Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	đ/kg	8500	8000	8000	14000	16000	18000	20000	20000
Chôm chôm Java	Tiền Giang	đ/kg	9000	9000	9500	9500	10000	11000	11000	12000
Chôm chôm nhãn	Tiền Giang	đ/kg	13000	13000	14000	14000	15000	16000	16000	17000
Chôm chôm Rong-Riêng	Tiền Giang	đ/kg	18000	18000	18000	18000	20000	21000	21000	22000
Sầu riêng monthong loại 1	Tiền Giang	đ/kg	39000	39000	39000	39000	46000	44000	44000	44000
Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	đ/kg	36000	36000	36000	36000	42000	42000	42000	42000

HẠT ĐIỀU				
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY	
			24/10	26/10
Hạt điều khô mua xô	Bình Phước-Huyện Bù Đăng	đ/kg	52000	52000

RAU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	20000	20000	20000	20000	20000	20000	20000	20000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	24000	24000	24000	24000	24000	24000	24000	24000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	30000	30000	30000	30000	30000	30000	30000	30000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	12000	12000	12000	12000	12000	10000	10000
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	30000	30000	30000	30000	30000	30000	25000	25000

HẠT TIÊU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	31/10	1/11	2/11
Hạt tiêu đen	Bình Phước-Huyện Bù Đốp	đ/kg	141000		141000					
Hạt tiêu đen	Đắc Lắc-TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	148000	148000	146000	145000	144000	145000	143000	141000

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN TOÀN NGÀNH

Tháng 10 năm 2016

Đơn vị tính: Lượng (1.000tấn); Giá trị (triệu USD)

Chỉ tiêu	TH 9 tháng đầu năm 2015		TH 9 tháng đầu năm 2016		% so sánh 2016/2015	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
A	1	2	3	4	5	6
XUẤT KHẨU					-	-
Tổng kim ngạch XK		22,010		23,649		107.4%
1. Nông sản chính, trong đó:		10,387		11,296		108.8%
Cà phê	998	2,033	1,401	2,515	140.3%	123.7%
Cao su	745	1,063	868	1,092	116.6%	102.8%
Gạo	4,504	1,930	3,850	1,730	85.5%	89.6%
Chè	88	151	94	153	106.5%	101.2%
Hạt điều	244	1,772	258	2,046	105.8%	115.4%
Hạt tiêu	111	1,048	147	1,198	133.1%	114.3%
Hàng rau quả		1,377		1,814		131.8%
Sản và sản phẩm từ sản	3,238	1,013	2,762	749	85.3%	73.9%
<i>Trong đó: Sản</i>	<i>1,577</i>	<i>361</i>	<i>1,277</i>	<i>224</i>	<i>81.0%</i>	<i>62.1%</i>
2. Thủy sản		4,727		5,015		106.1%
3. Lâm sản chính, trong đó:		5,146		5,224		101.5%
Quế		49.8		55.0		110.3%
Gỗ & sản phẩm gỗ		4,911		4,980		101.4%
<i>Trong đó: Gỗ</i>		<i>3,423</i>		<i>3,618</i>		<i>105.7%</i>
SP mây, tre, cỏ, thảm		186		189		101.7%
NHẬP KHẨU		1749		2,113		
Tổng kim ngạch NK		17519.9		17,759		101.4%
Các mặt hàng nhập khẩu chính		13,189		12,830		97.3%
Phân bón các loại	3,158	1,009	2,995	819	94.8%	81.1%
- URE	279	88	434	101	155.4%	114.2%
- SA	784	111	740	89	94.4%	80.0%
- DAP	695	327	532	204	76.6%	62.3%
- NPK	328	140	231	96	70.6%	68.6%
- Các loại phân bón khác	1,073	342	1,058	329	98.6%	96.1%
Thuốc trừ sâu & nguyên liệu		543		502		92.5%
Lúa mì	1,874	492	3,474	735	185.4%	149.4%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		2,551		2,486		97.5%
Dầu mỡ động, thực vật		490		462		94.3%
Cao su	284.111	489	303	466	106.6%	95.3%
Bông các loại	812	1,305	787	1,235	97.0%	94.6%
Sữa & sản phẩm sữa		701		629		89.7%
Gỗ & sản phẩm gỗ		1,630		1,290		79.2%
Muối		13		11		87.5%
Hàng thủy sản		829.9		772		93.1%
Hàng rau quả		456		648		142.0%
Ngô	5,126	1,141	5,573	1,094	108.7%	95.9%
Hạt điều	748	959	796	1,209	106.4%	126.1%
Đậu tương	1,272	581	1,121	472	88.1%	81.2%

CÂN ĐỐI XUẤT NHẬP KHẨU TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM (THAM KHẢO)

Đơn vị: Lượng = tấn; Giá trị = 1,000 USD

1 Hoa Kỳ:											
Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	6 tháng/2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		1,053,004		114.33%	1	Hàng thủy sản		17,338		75.37%
2	Hàng rau quả		59,724		149.64%	2	Sữa và sản phẩm sữa		40,366		39.26%
3	Hạt điều	87,072	693,069	101.50%	109.75%	3	Hàng rau quả		56,689		113.67%
4	Cà phê	184,688	332,632	166.16%	145.28%	4	Lúa mì	162,747	39,801	84.70%	77.44%
5	Chè	4,352	5,140	71.91%	71.47%	5	Đậu tương	606557	257,125	98.47%	86.55%
6	Hạt tiêu	34,201	296,478	153.89%	136.70%	6	Dầu mỡ động thực vật		5,369		100.56%
7	Gạo	25,473	13,976	70.34%	68.00%	7	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		270,881		78.49%
8	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		14,359		148.89%	8	Phân bón các loại	4200	6,228	84.93%	60.70%
9	Cao su	23,654	28,347	95.49%	86.75%	9	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		4,796		90.14%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		44,877		104.23%	10	Cao su	6840	15,158	109.34%	97.91%
11	Gỗ và sản phẩm gỗ		1,987,006		104.37%	11	Gỗ và sản phẩm gỗ		159,295		92.13%
	Tổng		4,528,611			12	Bông các loại	399,280	634,996	99.91%	95.52%
							Tổng		1,508,042		

4 Nga:

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		60,775		112.41%	1	Hàng thủy sản		28,202		106.72%
2	Hàng rau quả		16,796		90.22%	2	Lúa mì	73,715	13,785		
3	Hạt điều	3,208	25,494	150.12%	167.22%	3	Phân bón các loại	304,679	100,665	100.90%	84.81%
4	Cà phê	47,565	89,945	141.78%	115.26%	4	Cao su	7,911	11,436	103.49%	83.11%
5	Chè	12,166	16,834	106.94%	97.81%	5	Gỗ và sản phẩm gỗ		4,738		118.06%
6	Hạt tiêu	3,747	28,528	150.97%	127.86%		Tổng		158,827		
7	Gạo	14,399	5,774	30.95%	31.68%						
8	Cao su	6,818	8,976	236.98%	210.91%						
9	Sản phẩm mây, tre, cói và thâm		543		57.90%						
10	Gỗ và sản phẩm gỗ		2,252		78.33%						
	Tổng		255,918								

5 Brazil:

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		45,952		84.93%	1	Hàng rau quả		2,525		94.06%
2	Cao su	10,233	11,255	121.73%	101.98%	2	Lúa mì	333,623	63,755	106.12%	84.82%
3	Sản phẩm mây, tre, cói và thâm		785		55.16%	3	Ngô	2,685,565	520,663	95.87%	85.52%
	Tổng		57,992			4	Đậu tương	329,711	133,929	62.54%	60.65%
						5	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		122,328		52.87%
						6	Gỗ và sản phẩm gỗ		23,794		95.44%
						7	Bông các loại	79,168	123,021	146.93%	141.58%
							Tổng		990,015		

9 Áo:

Xuất khẩu					Nhập khẩu						
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		35		33.84%	1	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		93,089		132.39%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		1,021		58.56%		Tổng		93,089		
	Tổng		1,057								

10 Bồ Đào Nha:

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		34,269		111.72 %
2	Cà phê	10,397	17,966	116.91 %	104.09 %
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		1,810		152.54 %
	Tổng		54,044		

1 Hy Lạp:

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		7,392		94.79%
2	Hạt điều	644	5,402	90.07%	100.21 %
3	Cà phê	5,651	9,889	145.27 %	129.86 %
4	Gỗ và sản phẩm gỗ		2,612		72.57%
	Tổng		25,295		

14 Thụy điển:

Xuất khẩu					Nhập khẩu						
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		11,323		87.16%	1	Gỗ và sản phẩm gỗ		10,392		140.07%
2	Cao su	1,331	1,724	137.50%	120.03%		Tổng		10,392		
3	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		3,562		106.10%						
4	Gỗ và sản phẩm gỗ		15,901		95.22%						
	Tổng		32,510								

Một số quốc gia khu vực châu Á

1 Thái Lan:

Xuất khẩu					Nhập khẩu						
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		176,454		110.83%	1	Hàng thủy sản		13,623		147.20%
2	Hàng rau quả		30,652		133.67%	2	Sữa và sản phẩm sữa		58,387		105.11%
3	Hạt điều	6,305	50,346	87.23%	96.24%	3	Hàng rau quả		289,631		176.46%
4	Cà phê	28,843	53,223	149.81%	118.51%	4	Ngô	11,130	16,118	163.44%	80.36%
5	Hạt tiêu	2,589	25,407	126.05%	107.90%	5	Dầu mỡ động thực vật		4,058		73.51%
6	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		41,894		389.96%	6	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		71,347		79.62%
7	Phân bón các loại	8,491	2,318	48.47%	43.92%	7	Phân bón các loại	33989	7,339	299.17%	217.53%
8	Gỗ và sản phẩm gỗ		15,577		99.99%	8	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		20,657		91.78%
	Tổng		395,870			9	Cao su	28355	39,100	123.72%	107.37%
						10	Gỗ và sản phẩm gỗ		64,928		101.67%
							Tổng		585,188		

4 Singapor:

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		73,342		97.63%	1	Hàng thủy sản		4,203		99.03%
2	Hàng rau quả		20,656		111.05%	2	Sữa và sản phẩm sữa		108,283		122.68%
3	Hạt điều	868	6,992	100.93%	113.62%	3	Dầu mỡ động thực vật		1,338		109.39%
4	Cà phê	1,582	5,995	59.63%	68.37%	4	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		15,307		123.07%
5	Hạt tiêu	1,020	8,721	11.38%	10.77%	5	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		34,823		101.21%
6	Gạo	63,151	32,088	64.45%	65.42%		Tổng		163,955		
7	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		1,561		93.34%						
8	Cao su	65	85	185.71%	172.59%						
9	Gỗ và sản phẩm gỗ		12,059		60.30%						
	Tổng		161,499								

5 Lào:

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng rau quả		4,355		78.31%	1	Ngô	568	114	37.67%	30.13%
2	Phân bón các loại	28,201	7,103	183.82%	107.49%	2	Phân bón các loại	125,493	29,505	102.42%	89.92%
	Tổng		76,370		23.97%	3	Gỗ và sản phẩm gỗ		76,370		23.97%
							Tổng		105,989		

3 Ai cập

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		35,996		74.32%
2	Cà phê	11,790	17,814	238.95%	197.19%
3	Hạt tiêu	5,058	36,682	140.46%	118.22%
	Tổng		90,493		

Một số quốc gia khu vực Châu Mỹ

1 Áchentina:

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015		TT	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	1,610	2,036	75.66%	65.67%	1	Ngô	2438596	461,017	111.87%	96.43%
	Tổng		2,036			2	Đậu tương	9,405	4,202	35.46%	39.98%
						3	Dầu mỡ động thực vật		6,280		8.64%
						4	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		1,132,980		105.47%
						5	Gỗ và sản phẩm gỗ		3,050		51.61%
						6	Bông các loại	2331	3,357	112.07%	120.98%
							Tổng		1,610,885		

3 Gana:

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	387,742	189,600	141.83 %	136.24 %
	Tổng		189,600		

4 Angiêri

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	52,091	88,624	177.28 %	159.73 %
2	Gạo	13,945	5,456	42.44%	41.64%
	Tổng		88,624		

5 Arập Xê Út

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		46,861		87.53%
2	Chè	820	1,941	80.87%	74.71%
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		17,036		89.44%
	Tổng		65,838		

6 ăng-gô-la

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	9 tháng đầu năm 2016		% 2016/2015	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	34,607	13,832	440.97 %	352.63 %
2	Phân bón các loại	950	361	8.33%	7.78%
	Tổng		14,193		